

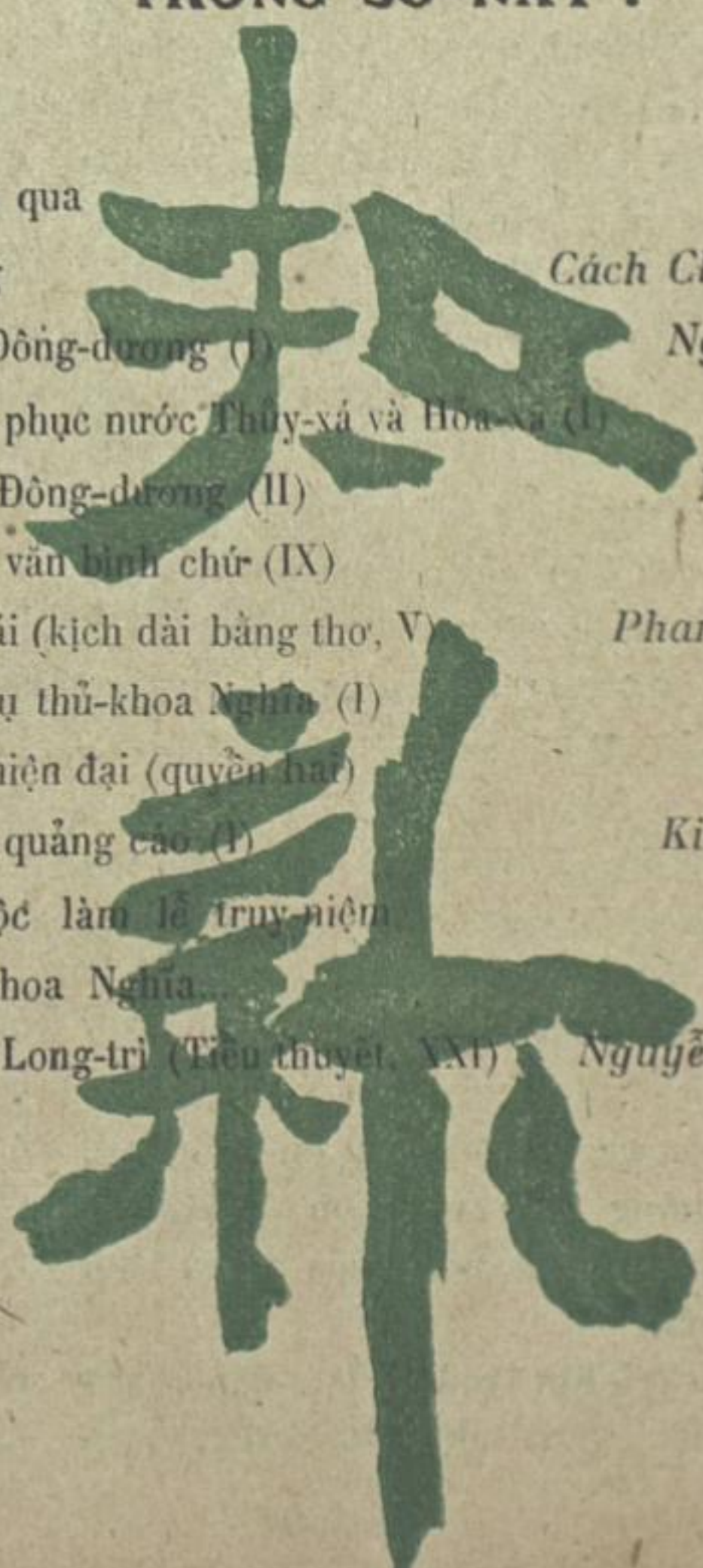
TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in: 70, phố Bạch-Mai

Ty trị-sự: 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

- 
- | | |
|---|---------------------|
| * Hai năm qua | T. T. |
| * Tùy hứng | Cách Chi, Trúc-Khê, |
| * Văn-hóa Đông-dương (I) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Việc thầu phục nước Thủy-xá và Hỏa-xá (I) | Hoài-Dũng |
| * Tiểu học Đông-dương (II) | Nguyễn Nhân |
| * Quyền thi văn binh chử (IX) | Ứng-Hòe |
| * Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ, V) | Phan khắc-Khoan |
| * Tiểu-sử cụ thủ-khoa Nghĩa (I) | Trực-Thần |
| * Nhà văn hiện đại (quyển hai) | Khiết-Phủ |
| * Phê bình quảng cáo (I) | Kiều-thanh-Quế |
| * Nhân cuộc làm lễ truy-niệm
cụ Thủ-khoa Nghĩa | Lê-văn-Ngôn |
| * Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XXI) | Nguyễn-huỳnh-Tướng |

Hai Năm Qua!

TRONG khoảng thời-gian vô cùng-tận, trên đường tiền-đồ xa lắc xa lơ, Tri-Tân cùng các bạn, đáp theo tiếng gọi của Văn-hóa xứ-sở, đã cặm-cui đi, mãi miết đi, đi với bao nhiêu nỗ-lực âm-thầm, lặng-lẽ...

Ngảnh lại hai năm qua, mưa gió vẫn đòi phen gầm thét, sấm chớp vẫn bốn mặt bủa vang, chân trời vẫn phủ dày những lớp mây mờ ảm-đạm. Cái cảnh chớp bề mưa nguồn trong những đêm trường dằng-dặc không phải không là một cơ đề cho những khách trí-thức thức-mắc lo âu...

Thế mà chim kia nếu vẫn cất tiếng gọi bạn, rồi từ hang tối dờn lên cây cao, rồi cùng nhau vỗ cánh thẳng bay, xông-pha mây ngàn gió núi, vượt qua bao cơn khó-khăn trong không-gian hàng ba nghìn dặm đường thì cái gắng-gỏi của đàn chim kia tưởng cũng đáng kể.

Dẫu vậy, muốn bay xa, tất phải từ gần; muốn rứt lò, tất phải nay làm một tý, mai làm một tý. Lúc này hơn lúc nào hết, chính là lúc ta phải thực hành câu « hợp sức nên sức mạnh », đối với loài người.

Hải, hai năm qua. Nhìn lại chặng bước đã đi trên đường « Văn-hóa », Tri-Tân nhờ sức các

bạn ủng-hộ, cũng đã gọi là làm được một đôi tý trong muôn nghìn công việc còn phải làm.

Ngoài những mục về sử-học và văn-học bấy nay vẫn theo đuổi, Tri-Tân lại đương nhật lượm những kiến-giải về từ-ngữ học và kiểm-điểm những sách mới ra.

Về loại trên, Tri-Tân đã đăng một liên-tục bài về phương-pháp đặt danh-từ khoa-học, đề mong hái lấy những tiếng vang-đội trong khoa-học giới đối với một vấn-đề cần phải giải-quyết của dân-tộc ta như vấn-đề chế-hóa danh-từ khoa-học ấy.

Ngoài vấn-đề chuyên-môn đó, bản-chỉ lại có bàn về cách đặt danh-từ triết-học, hoặc định chính những tiếng hiện đang dùng lầm, hoặc bàn cách làm cho việt-ngữ được phong-phú và thuần-túy.

Đối với những sách mới xuất bản, Tri-Tân tuy không dám tự mong là một cây bút lăm-bình, nhưng đã dăng mình làm tên lính trong toán quân « văn-hóa », không lẽ trốn-tránh mà không đóng một vai « kiểm-điểm sách vở »: Bản chỉ chỉ có ý đi kèm sát bên tác-giả mà xoát lại một lượt, chứng thực việc làm đã đầy đủ hay còn thiếu sót của người cầm bút.

Tri-Tân lại đang làm dần công-việc giới thiệu tư-tưởng, học-

thuật Đông, Tây, mong làm sao cho những tư-tưởng ấy, học-thuật ấy, sau khi người mình đã hấp-thụ rồi, sẽ « ngấu như » trong một lò văn-hóa chân-chính của nước Đại Nam, gây thành những chất tư-dưỡng có ích cho người mình, chứ không đến nỗi ăn nhiều món ăn « ngoại-lai » mà không tiêu-hóa được.

Đối với những bậc vĩ-nhân nước nhà, Tri-Tân đã làm những sổ chuyên san mà nhắc-nhở đến, ghi nhớ đến, là cốt đề quốc-dân biết rằng nòi giống ta vốn không phải là nòi giống hèn kém, ông cha ta vốn không phải là hạng người lười biếng tầm-thường. Chính lịch-sử đã làm chứng công-cuộc Bắc cự, Nam tiến của dân tộc ta và in lại những nét văn-trị võ-công bằng những chữ vàng rực-rỡ. Phải chăng cái tinh-thần đặc biệt ấy đã diu được « con thuyền » quốc gia vào « bến » tồn-tại trong bao cơn bão táp ba-đào?

Phải chăng tấm gương lịch-sử ấy, bồn-phận buộc ta nay phải chăm phủi quét, chăm lau chùi, khiến cho nó như phát hiện một chân-thân tỏa ra muôn nghìn tia sáng trang-nghiêm chói lọi.

Nhưng đồng thời ta phải nhớ rằng đàn con cháu nghèo khó không nên thấy trong nhà thờ tổ

tiền có mấy chữ vàng mà nông
nồi tưởng mình giàu có, bọn công
tử đầu óc rộng-tuyệtch đừng vội
lên mình hay chữ vì được giữ
mấy tờ sách của cụ cố ông nghề.
Vì « đòi cua, cua máy; đòi cáy,
cáy đào », ta nay không làm thì
phải nghèo; không học thì vẫn
dốt, chứ cái tiếng
thơm của ông cha
có làm cho người
ta nhận lầm rằng ta
giàu có hoặc hay
chữ đâu.

Vả, như trong bài
xã-thuyết ở số báo
trước (T.T. số 97) đã
nói, « bộ máy tiêu-hóa
chung của một dân-
tộc là do ở đại đa số
cùng quay chuyển,
chứ không phải riêng
trông vào sức một
người nào mặc dầu
người ấy là vĩ nhân. »

Mấy lời trên đây,
bản-chỉ mong, sẽ là
những lời bổ chú
vào những số chuyên
san về mấy bậc vĩ-
nhân nước nhà.

Mới đây, một bạn thân của bản
chỉ có nói chuyện với chúng tôi :

— Tri-Tân nếu cứ theo được
công-việc phát huy cái tinh-thần
quốc-gia, mà làm cho đến nơi đến
chốn thì chỉ bấy nhiêu cũng đã
được việc lắm rồi.

Lời khuyên gặng ấy thật vượt
ngoài ý chúng tôi tưởng-tượng và
vượt quá sức chúng tôi gánh-vác.
Chúng tôi chỉ cố làm sao cho khỏi
phụ lòng các bạn thân yêu đã kỳ-
vọng : *xưng-đăng làm một cơ-
quan để các bạn trao đổi ý-kiến
trong khi làm việc gây dựng*

song Tri-Tân chúng tôi chỉ làm
phận-sự một quân-nhân ; mở
cuốn sổ tay đã ghi rõ những giai-
đoạn hoặc đóng, hoặc tiến, hoặc
giữ, hoặc đánh trong những giờ
đầy kỷ-luật nghiêm - minh, trên
bước lịch-trình vô cùng mạo hiểm.

Công chăng ? tội chăng ? Nghìn
thu đã có công-
luận.

Bồn phận người
lính chỉ biết lúc
nào cũng phải nai
nịt gọng-gàng, giữ-
gin quân-luật, nắm
vững tinh thần thẳng
tiến mà không chịu
lui.

Đề khuyến-kích
giúp-dỡ người lính
ở tiền-tuyến, công
việc ấy, lẽ đương
nhiên, phải trông vào
những bạn quý mến
ở hậu-phương với
những bàn tay nâng-
dỡ êm - dịu, với
những tiếng yên-ủi
tha-thiết ngọt ngào
và với tinh thần ủng
hộ ân-cần chu-trí.

TRI-TÂN

TÙY HÙNG

Vịnh Lý-Ông-Trọng

Lý - Ông - Trọng, người Giao - chỉ, mình cao một
trượng ba thước. Đồi Tần, sang Tàu làm quan
đến chức Hiệu-úy, đánh đuổi tan giặc Hung-nô.
Sau khi ông chết, Tần Thủy Hoàng sai đúc tượng
đồng to bằng thật, đặt trên thành Hàm-dương.
Giặc Hung-nô ở xa trông thấy, tưởng ông còn sống,
không dám vào cướp Trung-nguyên. Về sau, người
Tàu gọi ông phỗng canh cửa là « Ông-Trọng »

*Vóc lớn, tài cao, nghĩ cũng thừa,
Phi thân hữu dụng, việc tầm phơ.
Quân Hồ mất mặt, căm mồm lại,
Dân Hán yên lòng, xệ bụng ra.
Mảng hám màu danh nơi đất khách,
Lãng quên cái nợ chốn quê nhà.
Đề danh bất hủ lưu thiên cổ,
Thiên cổ thành tên phỗng cửa chùa.*

CÁCH CHI

*lấy một nền văn-hóa chân-chính
cho nước nhà.*

Không dám làm công việc của
nhà buôn, cứ mỗi nam lại dỡ sò
hàng xét xem đã buôn vào những
hàng gì và bán ra những hàng gì ;

Sách mới

Tri-Tân đã nhận được

Ngập-Ngừng (thơ) của ANH HUỠNG
giá 1\$25

Xin cảm ơn tác-giả, nhà xuất-bả
và vui lòng giới-thiệu cùng b
đọc.
TRI TÂN

VĂN HÓA ĐÔNG DƯƠNG

Số 1

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

NHỮNG sách trước-thuật và những bài đang trên báo-chí gần đây, kể có nói đến lịch-sử Đông-dương, thì phần nhiều chỉ kê-cứu ở mấy bộ sách xuất-bản từ 40 năm về trước, thành ra có nhiều điều các nhà khảo-cổ mới tìm ra, mà sách quốc-van không thấy nói đến. Bởi vậy, tôi tưởng nên lược dịch bài « Những nền văn hóa Đông dương (*Les civilisations de l'Indochine*) của ông G. Cordès soạn bằng chữ Pháp đề độc-giả nhàn-lắm. Bài này chỉ là một bài sơ-lược nhưng cũng có thể biết được dân Đông-dương chịu ảnh-hưởng ở những nước nào ?

Nhà tiền-sử xét Đông-dương về đường thượng - cổ, thấy những người giống nào ? Tất nhiên phải đào xuống từng đất xâu nhất, để tìm hai-cốt. Hiện đã thấy những bộ xương gần giống xương người Úc-châu (Australien), có cái gần giống xương người Mélanésien, có cái gần giống xương người Indonésien, về giống này thì có nhiều hơn. Còn như xương thuộc về chi lông-cổ, tức là xương người Việt-nam ta bây giờ, thì ở từng đất sâu nhất không thấy có. Cứ như thế, theo khoa tiền-sử, lấy hai-cốt đào được ở lớp đất cổ nhất làm bằng-chứng, thì về đời thượng-cổ dân Việt-nam chưa tới Đông-dương, toàn là giống Mã-Úc-châu. Những dân này còn lại những đồ bằng đá, những đồ thủy-tinh và một ít kim-khí.

Cái văn-hóa cổ nhất là văn-hóa đá đục (*pierre taillée*) : ở Đông-dương thì hình như dân Mélanésien dùng đá đục trước tiên. Còn đến thời-kỳ đá mài (*pierre polie*) thì hình như của Indonésien chế ra trước hiện nay người Indonésien hãy còn có dòng-dõi ở miền rừng-rú, tức là dân Mọi, (Cao-miên gọi là Pnong, Lào gọi là Kha). Những đồ bằng đá ấy trông cũng giống-giống những đồ tìm thấy ở Âu châu, người ta thường gọi là « lưỡi tầm sét », phần nhiều dùng làm đục, làm búa, làm dao, v. v.

Đông-dương có hai thứ đồ đá khác Âu-châu, chỉ giống với đồ đá, của các xứ xung-quanh. Một là đồ bằng đá đục, nếu có mài thì chỉ mài chỗ lưỡi mà thôi : nhà tiền-sử gọi là loại Bắc-sơn, do tên núi đào được trước tiên.

Hai là cái diu có móng tra cán một vài nhà khảo-cổ cho là của người Cao-miên và người Môn (hoặc Pégouan ở Diên - điện). Những thứ diu này đào được ở tỉnh Kompong Chnang trong Cao-miên nhiều lắm, ở chỗ gọi là Samrong Sên.

Nước ta về vùng Thanh-hóa, Nghệ an có những đồng vỏ trai vỏ ốc cổ, đào thấy nhiều đồ làm bằng xương. Xét ra có lẽ thuộc về thứ văn-hóa mà hiện nay còn vết-tích từ Chà-và (Java) đến Nhật-bản.

Về cuối thời tân-thạch (*néolithique*) Đông-dương có một nền văn-hóa cự-thạch-bì (*mégolithique*), lúc bấy giờ mới bắt đầu dùng kim-khí.

Bên Lào ở vùng 'Sâm-nưá có những tảng đá to dựng đứng ; ở Trấn-ninh có những cái chum đá to dựng xương người ; cả cái bãi đồi chum ở Xiêng-khuông có thể gọi là bãi tha-ma. Trong Nam-kỳ, có một cái mỏ bằng đá to ở hạt Xuân-lộc, người ta đào thấy nam 1928.

Nhưng văn - hóa cự - thạch (*paléolithique*) và tân-thạch ở Đông-dương không đồng-thời với Âu-châu ; thời-kỳ tân-thạch ở Đông-dương thì kéo dài mãi về sau : hiện nay có những dân qua cái trình-độ ấy, bây giờ mới bắt đầu sang thời-kỳ dùng đồ đồng, thế rồi có dân ở vùng xung-quanh tiến-hóa mau hơn, đem cái văn-minh lại cho.

Trong thời-kỳ tân-thạch, Đông-dương chịu cái ảnh-hưởng văn-

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, đầu là người mạnh, người phôi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phôi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4\$00

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔM

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hanoi : Hiệu sách Đông Tây
195 Hàng Bông
Huế : Hiệu sách Văn Hóa
29 Maréchal Pétain
Saigon : Nhà sách Nguyễn-
Khánh-Đàm, 12 Rue
Sabourain.

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng
Xin hỏi nơi Ông Nguyễn
Khánh Đàm.

hóa ở miền bờ gồm, phía đông-nam Á-châu, và xứ Indonésie. Cái đặc-điểm của văn-hóa này là cây cấy ruộng, tát nước, nuôi trâu bò, dùng ít kim-khí (những kim-khí này phần nhiều mua của Tàu) khéo chở thuyền bè: đó là về đường vật chất. Còn về đường xã-hội, thì theo mẫu-thống: người đàn-bà có một địa-vị quan-trọng: ngày xưa chỉ biết mẹ, chưa biết cha như bây giờ, ở nhà thì người mẹ làm chủ nhà,

ra đến từng khu từng chòm, thì người đàn-bà làm tù-trưởng bắt dân trong chòm trong khu phải theo mệnh-lệnh.

HỒ BA BÈ

là một thắng-cảnh của đất nước. Muốn biết rõ

HỒ BA BÈ ?

xin mời các bạn hãy thân du với tác-giả tập du-ký

HỒ BA BÈ

ghi chép rất rành-mạch, sửa lại rất kỹ-càng, in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-ảnh, bìa hai màu.

in tại nhà in Tri-Tân giá 2\$00 một cuốn.

Có bán khắp xứ Đông-pháp và tại địa-chỉ tác-giả Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TÁU Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Hanoi.

Ô thê khúc

Cô-tô dài thượng ô thê thì,
Ngô-vương cung lý tùy Tây-Thì.
Ngô ca Sở vũ hoan vị tất,
Thanh sơn dục hàm bán biên nhật.
Ngân tiền kim hồ lậu thủy đa,
Khởi khan thu nguyệt trụ giang ba.
Đông phương tiệm cao nại lạc hà?

LÝ BẠCH

Khúc Ô thê

Trên đài Cô-tô đàn qua về,
Trong cung vua Ngô say Tây-Thì.
Ca Ngô múa Sở vui chưa dứt,
Non xanh toan ngậm nửa vành nhật,
Tên bạc hồ vàng nước đã hao,
Trắng chìm dưới sóng, sóng sóng nao.
Phương đông cao lên làm thế nào?

TRÚC-KHÊ dịch

Về phương-diện cùng-tò, thì chia ra bốn người ở núi, bốn người ở bờ, cùng ông vãi, thờ thổ-công, thờ chỗ cao, chôn người chết vào trong chum hoặc trong tảng đá to. Tiếng nói thì dùng những tiếng đơn âm, dễ chấp tiếng trên và tiếng dưới.

Vào khoảng thế-kỷ thứ nhất sau Tây-lịch, Đông dương bắt đầu chịu cái ảnh-hưởng van-minh của Tàu và Ấn-độ. Vì thế người Pháp đặt tên Đông-dương là Indochine, nghĩa là Ấn-độ và Trung-hoa, sau người Nhật dịch là Ấn-độ Chi-na.

Đông-dương là chỗ hai văn-hóa gặp nhau, là văn-hóa Trung-hoa và văn-hóa Ấn-độ. Hai nước ấy khai-hóa cho Đông-dương cách nhau không bao lâu, nhưng cái chủ-tâm và công-hiệu khác nhau xa lắm. Ảnh-hưởng của nước Tàu đối với phía Bắc Đông-dương (tức

nước ta) bắt đầu từ thế-kỷ thứ hai trước Thiên-chúa, liên-tiếp mãi về sau, mà có tính-cách chính-trị, làm cho nước Nam như nước Tàu. Còn như ảnh-hưởng của Ấn-độ đối với những nước ở phía nam Đông-dương và ở dọc biên phía nam như Xiêm, Lào, Cao-miên, (Chiêm-thành) thì bắt đầu vào khoảng thế-kỷ thứ nhất sau Thiên-chúa, nhưng có từng hồi một, chứ không liên tiếp như nước Nam đối với nước Tàu, mà cũng không phải thần-phục Ấn-độ, như nước Nam thần-phục nước Tàu.

(Còn nữa)

Ứng hơc NGUYỄN VĂN-TÔ

Đón coi:

Cụ Thủ-khoa Nghĩa và tường
« Kim thạch kỳ duyên »
của NGUYỄN ĐẠI LIÊNG

Nói lời Bac-sĩ Hézard, xét
qua về Y-học phương Đông
của LIÊN GIANG

Gia thế họ Đinh ở Hàm-giang
của TIÊN-ĐÀM

Muốn mua lại những
số báo LOA này:

2, 7, 8, 17, 35,
55, 60, 73, 75

Ai có xin cứ đem lại
tòa báo Tri-Tân.

LỊCH-SỬ KÝ SỰ

VIỆC THẦU PHỤC NƯỚC THỦY-XÁ VÀ HỎA-XÁ

HOÀI DŨNG

Ngoài bài trúng giải nhất cuộc thi « lịch-sử ký sự » do Tri-Tân tổ-chức như đã đăng ở số 48 rồi, còn có bài trúng giải nhì, bài trúng giải ba đều xuất sắc lắm, nhưng tiếc vì một lẽ riêng, không thể đăng được. Nay nhân gặp ngày sinh nhật năm thứ hai của Tri-Tân, chúng tôi xin lục đăng bài trúng giải tư này để góp thêm chút ý nghĩa vào ngày kỷ niệm của bạn chí.

T.

THẸO dã-sứ, một việc buồn cười và vui nhất cho dân, tỉnh Phú-yên về hồi vua Minh-Mệnh Thiệu-Trị là việc sứ hai nước Thủy-xá và Hỏa-xá, xuống nạp cống-phẩm: Sứ-giá, tóc rẽ tre, da đông-diều, mình bận áo cụt ngũ sắc, đóng khố, khệ-nệ tư mang cống-phẩm xuống đồn Phú-sơn (vào quãng miền Thạch-thành huyện Sơn-hà ngày nay). Viên quản đồn cấp cho một con ngựa để sứ-thần cưỡi cùng năm tên lính mang cống-phẩm cò quạt rước từ Phú-sơn về đến tỉnh-thành ở Long-uýn (Tuy-an).

Sứ-giá đi đến đâu là người ta đồ ra xem chắt cả đường. Đến Long-uýn, quan Thủ-Hiên phái người đại-diện bàn triều-phục ra tiếp rước rất long-trọng; đoạn một tên lính mang áo mào quan thất-phẩm đưa cho sứ-giá bận, rồi viên tỉnh-thuộc chuyên làm tào lễ tập cho sứ-giá lễ-bái, cho hợp phép, đoạn đưa vào bãi-vọng ở hành-cung. Lễ xong, tỉnh-quan đặt tiệc hậu-dãi sứ-giá rồi ban cho rất nhiều đồ-vật mang về. Lúc về, sứ-giá cò quạt trống kèn tiền đưa sứ-giá lên đến tận đồn Phú-sơn rồi thôi. Những lễ-nghi tiếp rước sứ-giá làm rất cẩn-thận theo đúng lời bộ Lễ tư.

Lúc bấy giờ, mỗi khi sứ-giá đến người ta nhao-nhao hỏi nhau, chỉ

biết là sứ-thần nước Hỏa-xá và Thủy-xá, nhưng chẳng một ai biết hai nước ấy ở chỗ nào, lớn nhỏ thế nào, ngay các tỉnh-quan cũng không hiểu được rõ.

Cứ sử chép: năm canh-thìn (1470), vua Thánh-Tôn nhà Lê cất binh đánh nước Chiêm-thành bắt được Chiêm-chúa là Trà-Toàn, đuổi tướng Bô-tri-Tri về phía nam Thạch-bi-sơn (núi Bia ở biên-giới Phú-yên, Khánh-hòa). Chạy vào đến Phan lung, Bô-tri-Tri biết thế không chống được, liền sai sứ sang cống và xưng thần. Vua Lê Thánh-Tôn /y cho, và muốn giảm bớt thế-lực nước Chiêm-thành, ngài chia đất Chăm làm ba nước: Từ Phan-lung trở vào là Chiêm-thành, từ Phan lung ra đến Thạch-bi-sơn là Hỏa-anh, từ Thạch-bi-sơn ra đến Đồ-bản là Nam-phan.

Lúc bấy giờ vua Lê-Thánh-Tôn nghe đồn ở miền thượng-du nước Nam-phan đi lên có hai nước khác nữa (tức là Thủy-xá và Hỏa-xá), ngài muốn bắt hai nước ấy phải thần-phục và triều-cống như Chiêm-thành, song vì địa thế chưa được rõ đường-sá lại khó-khăn hiểm-trở, việc dùng binh chinh-phục đã khó, mà việc sai sứ lên dụ về hàng cũng không dễ, nên ngài phải đình việc ấy lại, rút binh về Thăng-long.

Nam mậu-dần (1579), Đoan-

quận-công Nguyễn-Hoàng, sau khi trị yên được miền Đại-Chiêm, Đồ-bản (Bình-dịnh), sai trấn-biên-quan Lương-văn-Chính chiêu-tập lưu-dân vào khai-khẩn đất Phú-yên. Thấy bọn mọi Thủy-xá và Hỏa-xá thường xuống quấy nhiễu miền Đà-rằng (Tuy-hòa) bắt cóc những lưu-dân mới đến lập-nghị, ngài sai trấn-biên-quan phái người mang gấm, lụa, mào, đồ đồng, đồ huyền, đồ sắt, lên tặng cho vua Thủy-xá và Hỏa-xá và dụ về hàng.

Sứ ta lặn-lội, mạo-hiêm lên đến tận Đồ-thành (mấy chục túp nhà tranh). Vua Thủy-xá, Hỏa-xá tiếp rước sứ rất tử-tế, rồi đưa đồ lâm-sản như kỳ-nam, hoàng-lạp, nhung, mật gấu và voi đực nhờ sứ ta đem về dâng chúa Nguyễn để tỏ lòng thần-phục.

Từ đó cứ 5 năm một lần, sứ ta lại mang đồ-vật lên tặng như vậy. Mãi đến năm quý-tị (1751), vua Thủy-xá và Hỏa-xá mới sai sứ mang cống-phẩm xuống Phú-yên-dinh xin thần-phục. Chúa Nguyễn-Phúc-Khoát truyền cho hai nước từ đó phải theo lệ ba năm xuống cống một lần. Kịp đến hồi có việc Tây-Son, hai nước bỏ không xuống cống.

Cứ theo lời sứ ta về tâu, thời hai nước Thủy-xá và Hỏa-xá ở gần nhau, chỉ cách chừng hai ngày

đường. Hai nước ở về miền huyện Sơn-hòa (Phú-yên) và miền Cheoreo (Pleiku) ngày nay. Nước Hỏa-xá ở về phía đông núi Bà-nam-sơn, (núi Bà ở miền Cheoreo), nước Thủy-xá ở về phía tây núi. Địa-thế hai nước rất hiểm-trở, rừng rậm, núi cao, thú dữ nhiều không kè xiết, thành thử việc thông sứ rất là khó-khăn.

Lúc bấy giờ người ta lại tin rằng dân hai nước ấy có nhiều pháp thuật rất bí-hiêm, họ có nuôi nhiều giống ma rất ghê-gớm. Cả hai nước đối với người mình đều là những xứ mà thiêng nước độc, chứa đầy những sự bí-mật rừng-rợn.

Tương truyền rằng người Chăm, khi bị đuổi ra khỏi đất Phú-yên, có giao lại cho vua Hỏa-xá giữ một cây gươm thần bằng vàng có nhiều phép rất màu-nhiệm. Cây gươm ấy là quốc-bảo nước Chiêm, họ tin rằng gươm ấy còn thời nước còn, gươm ấy mất thời nước mất, vận mệnh nước nhà là ở nơi cây gươm. Vua Hỏa-xá được cây gươm ấy đem về thờ rất kính cẩn trong một ngôi đền sát chỗ vua ở. Dân-gian đến cầu cúng ở đền đều khúm-núm sợ hãi, không ai dám trông thẳng vào cây gươm. Họ

tin rằng hễ người thường thấy gươm là bị lặt bệnh. Thường những khi giới mưa mãi, mùa màng hư-hại, vua làm lễ cầm gươm chỉ giới, tức khắc giới nắng ngay, vì thế mà dân tôn làm Hỏa-vương, nước là Hỏa-xá. Tiếng cây gươm thần truyền ra, ở các nước lân-bang vua nào cũng ao ước muốn chiếm. Có nhiều vị sư Cao-mên, Vạn-tượng, theo lệnh quốc-vương lần mò đến Bà-nam-sơn, định dùng mưu chiếm cây gươm ấy, nhưng hễ mới hỏi đến cây gươm, là dân ở đó sinh nghi, rủ nhau bắt giết đem hỏa-táng trước cổng làng. Có nhiều nhà sư bị bỏ mạng như vậy mà cũng chính vì cây gươm ấy mà nhà cô-học Odendhal bị chết một cách thê-thảm. Việc này tôi sẽ kể sau.

Nước Thủy-xá cũng có một cây «đăng chiên» (roi mây) và hai khối bản thạch là vật linh-ứng đề thờ trong đền. Hễ khi giới làm đại hạn quá, lúa bắp không mọc được, dân gian muốn cầu mưa, vua làm lễ cầm đăng chiên chỉ giới, thời tự nhiên giới mưa ngay. Vì thế mà dân tôn lên làm Thủy-vương, quốc-hiệu là Thủy-xá.

Dân-cư hai nước tức là Mọi

Djarais ngày nay. Tiếng nói của họ cũng giống như tiếng Chăm, mà giống người trông cũng tương-tự. Có nhiều nhà khảo cổ cho rằng bọn này nguyên là dân Chăm, dần dần lẫn-lút vào miền núi rồi bị cải-hóa ra như vậy, nhưng sự thật giống Mọi này khác giống người Chăm, nhưng vì lâu đời phải trực-tiếp với người Chăm, nên tiếng nói của họ cũng bị ảnh-hưởng theo. (1)

(Còn nữa)
HOÀI-DŨNG

(1) Ý-kiến giáo sư Kern

學醫東亞

Muốn nghiên cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay:

Sách thuốc Việt-Nam...	3\$50
Tính các vị thuốc.	3. 00
Khoa thuốc xứ nóng. . .	2. 00
Khoa chữa Phôi.	1. 00
Khoa chữa mắt.	1. 00
Khoa chữa trẻ con. . .	0. 80
Ngoại khoa.	1. 00
Sinh lý học.	0. 30
cước quyền lớn 0\$69, nhỏ 0\$30.	

Hỏi: M. Nguyễn xuân-Dương
Lạc-long 22 Tientsin Hanoi.

Là người Việt-Nam ai cũng nên dùng:

Dầu hỏa Việt Nam hiệu Thiên Thân

do cha Chúc chánh xứ Tự-Liệt Văn-diễn (Hà-đông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bắc không rần lại, ngọn đèn không lút đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi **Agence Générale pour l'Indochine**
là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi giấy nói số 494



QUYỀN THI VĂN BÌNH CHÚ

Số 9

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

VI—Phan-thanh-Giản (bài 1101)

« Năm Thiệu-Trị thứ 7, (1847) gặp kỷ đại-kế (xét tất cả công việc của các quan lại để thưởng phạt), vua dụ rằng : « Thanh-Giản làm những việc cơ-yếu, bàn tính việc ngoại biên, giúp đỡ chốn cấm-viên, công việc được thanh-thỏa, thăng Hình-bộ thượng-thư kiêm Cơ-mật viện đại-thần. »

« Năm Tự-Đức thứ nhất (1848) dời sang bộ Lại ; lúc ấy ở Kinh-sư và các địa-phương bị hạn không mưa, cụ Phan thanh-Giản cùng với quan đồng-viện dâng sớ xin thú tội.

« Năm Tự-Đức thứ hai (1849) mới mở tòa kinh-diên, cụ Phan-thanh-Giản sung chức giảng-quan vừa gặp dân ở Tả-kỳ (Quảng-nam, Quảng-ngãi) phần nhiều phải bệnh lệ-khí, cụ cùng với cụ Nguyễn-tri-Phương điều-trần năm việc. Được đặc ân sung chức Tả-kỳ kinh-lược đại-sứ, lĩnh tổng - đốc Bình - phú (Bình-định và Phú-yên) gồm coi đạo Thuận-khánh (Bình-thuận và Khánh-hóa). Cụ Thanh-Giản cầm cờ tiết vào Nam dâng sớ nói hai việc : thương dân và binh. Vua khen thưởng cho 20 lạng bạc.

« Mùa xuân nam thứ bốn (1851), dời làm chức Nam-kỳ kinh lược phó-sứ, nhưng lĩnh chức tuần-phủ Gia-định, kêm coi các đạo Biên-hòa và Vĩnh-long, Định-tướng, An-giang, Hà-tiên.

« Nam Tự-Đức thứ 5 (1852) thăng với chánh-sứ là Nguyễn-tri-Phương dâng sớ điều trần tám việc, xin trả cờ tiết đi sứ. Vua

dụ ở lại, thưởng một tấm đại-kim-khánh có khắc chữ « liêm bình cần cán » (thanh-liêm, công-bình, siêng-năng, giỏi việc).

« Đến tháng 8 năm Tự-đức thứ 6 (1853) vua nghĩ cụ Thanh-Giản ở ngoài, khó nhọc đã lâu, vời về Kinh thăng hiệp-biện đại-học-sĩ, lĩnh thượng thư bộ Binh, sung chức kinh-diên và cơ-mật như cũ. Cụ Thanh-Giản bèn trần tấu các công việc nên làm ở Nam-kỳ, như vỗ về nước Cao-miên, cứu vớt những điều khổ của dân, rộng ra ân-diễn, sửa lại phép học và phép thi của học-trò, chế ra thứ xe trâu (hay bò) kéo, và sửa lại mã công-thần và cấp cho người trông nom mộ, tất cả sáu điều, vua đều huân cho thi-hành. Rồi sai làm tổng-tài soạn bộ *Việt sử thông giám tổng mục* (tức *Cương mục*).

« Năm Tự-Đức thứ chín (1856) gặp kỷ đại-kế, vua khen cụ là người thanh-liêm cần-thận, thưởng một cái bài bằng lương-ngọc.

« Năm thứ mười hai (1859) ở Đà-nẵng, Định-tướng và Biên hòa có việc xảy ra. Cụ Thanh-Giản cùng với viện-thần điều-trần nói về mưu-kế chiến hay hòa và phòng giữ. Cụ lại dâng sớ, đại-lược nói là : « Thiên hạ rất rộng, công việc rất nhiều, ở chỗ việc rất nhiều, cai-trị chỗ rất rộng, cốt làm cho yên mà thôi. Theo sức người mà dạy, không khó nhọc mà thành công, noi phép mà cai-trị, quan-lại quen mà dân yên ; cho nên lợi không gấp trăm thì không đòi phép, công không gấp mười thì không

đòi đồ dùng. Làm cái kế ngày nay cốt nhất nuôi dân chăm cấy-cấy, nuôi lính đủ lương ăn : lưu ý như thế thì sức dân được thư-thả, mà quân có chỗ dạy, sức dân không bỏ phí, mà lương có chỗ ra, quân giỏi lương đủ, như nước chảy cuồn cuộn không hết, thì hoặc đánh, hoặc giữ, không việc gì là không nên, đối với việc dân yên nước thịnh, may ra bờ-ích đôi chút. »

« Vua khen : Lời nói đều có cốt yếu, bọn tân tiến không thể vi nổi. Chỉ nên thực lòng cố sức để giúp trẫm, đời sau chắc có tiếng khen. »

« Đến năm Tự-Đức thứ mười lăm (1862) quan nguyên-soái Pháp ở Gia-định đưa thư nghị hòa, các đình-thần xin cho xứ vào để bàn định. Cụ Phan-thanh-Giản và cụ Lâm-duy-Hiệp (hoặc Thiếp) xin đi, vua chuẩn cho hai cụ sung chức chánh phó sứ toàn-quyền đại-thần về việc nghị hòa, thân đốc rước ngự ban cho dụ làm việc cho khéo.

« Khi đến Gia-định, quan nguyên soái Pháp bảo nhường ba tỉnh Gia-định Định-tướng và Biên-hòa, lại bắt bồi thường bốn trăm vạn bạc. Việc ấy tâu vua nghe, vua xuống dụ khiển trách, dời cụ Phan-thanh-Giản làm tổng-dốc Vĩnh-long cùng với quan nguyên-soái Pháp bàn định công việc. Sau vì thương thuyết không được việc, bị cách, nhưng vẫn được ở.

« Năm Tự-Đức thứ mười sáu (1863) triệu về kinh, sung chức chánh-sứ sang Tây. Vua hỏi về việc ba tỉnh, quả là cân nhắc mà làm hay có ý gì khác. Cụ thưa rằng : « Xem kỹ thời-thế không thể không được. Tôi nay phụng-mạnh đi sứ, xong việc hay không xong việc, còn ở hai nước tôi chỉ biết hết

lòng hết sức mà thôi. » Năm sau, đi sứ về, được đòi làm Hộ bộ thượng-thư.

« Vừa gặp quan Toàn-quyền nước Pháp là Hà-ba-ly (Aubaret) tới Kinh, vua lại cho cụ Phan-Thanh-Giản sung chức Toàn-quyền đại-thần đề cùng bàn-định. Khi lâm hành, vua ban cho bài thơ, khuyên cố làm việc sứ-mệnh. Bài thơ nguyên chữ Hán rằng : « Cồ nhân kiên trọng phụ, Lợi độn cự tiên tất. Duy dĩ thành-khôn phụ, Quỷ thần tự khả chất. Bao hồ do độ hà, Cuồng ngạc diệc tử thất. Thần phu bỉ hữu tri, Hà hoạn hồ cường phát. Gia danh nhân sở hiếu, Chí lý nhân sở khuất. Thiệt ngôn nhân sở phục, Nghĩa khí nhân sở truat. Thiết thạch chung bất dĩ, Khê hác yên năng dật. An nguy tại thử cử, Khảng tích kinh luân thuật. Vô ngôn dễ mặc hội, Niên lai cử thân mật ». Nghĩa là : « Người xưa vai mang nặng, Sắc nhứt đầu dám chắc ? Chỉ lấy lòng thành bày-tỏ, Có chất vấn quỷ-thần. Hồ dữ còn qua sông, Cuồng-ngạc cũng dời chỗ. Phương-tri là giống hữu-tri, Lo gì những việc ngang trái. Tiếng tốt ai cũng muốn, lẽ phải ai cũng chịu, Nói hay ai cũng phục, Nghĩa khí ai cũng sợ. Như sắt đá không dời được lòng, Như khe suối không tầy lấp được. Yên nguy ở chốn này, Chớ tiếc tài kinh-luân. Không nói đã hiểu ngầm, Bấy lâu, càng thân-mật ».

« Năm Tự-đức thứ 18 (1865), tháng hai gặp kỳ tế Giao, vua sai cụ Phan-Thanh-Giản sung chức nhiếp-tế. Năm ấy cụ 69 tuổi, dâng sớ xin hưu, đại-lược nói rằng : « Tôi vốn không có tài-nghề gì, ngày thường tự nghĩ chưa báo đền được tý gì, đương lo cố sức đề

mong báo đáp, không ngờ bỗng tang-du đã muộn, tự biết tinh-thần sức-lực kém hẳn ngày xưa. Thân đương vào chỗ trấn lý bận rộn, việc phần nhiều quên sót, nghĩ lại người đời 70 tuổi, như thân bồ liễu, đã trải nhiều năm ; tuy cái tình quyến-luyến có thành thực, nhưng sức ngựa đã kiệt, rất sợ làm việc không nổi, đề đến nỗi nhăm lẩn công việc. » Vua an ủi rằng : « Nhà người nên cố gắng đề khuyên người hậu-liên. Kinh Thi có câu rằng : « Ngày xưa vua Văn vua Võ chịu mệnh Trời, có ông Thiệu-công mỗi ngày mở nước rộng thêm trăm dặm. Nay ta mỗi ngày hẹp đi trăm dặm. Vẫn biết người đời nay không bằng người đời xưa. Mỗi khi đọc câu thơ ấy chẳng xiết đau lòng ! »

« Gặp bấy giờ đốc-thần ở Vĩnh-long là Trương-văn-Uyên, tâu về tình-hình ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên. Vua nói rằng : « Chỗ biên-thùy xa cách, thực khó giữ; nếu được người nào họ vốn tin phục, may ra yên được ». Đoàn-Thọ và Trần-liệu-Thành đều cử cụ Phan-Thanh-Giản. Vua cho cụ sung chức kinh-lược đại-thần, tha tội cách lưu, đề mong hiệu quả về sau.

« Cụ Phan-Thanh Giản đã được khai-phục, dâng sớ trần tình rằng : « Tôi cùng cố-thần Lâm-duy-Hiệp, tình như nhau, việc giống nhau, tôi chưa có công gì, may được khai phục. Cố-thần ở dưới đất chưa được ơn trên nuần thắm, trong lòng tôi tự lấy làm không yên, xin ban cho ân mệnh, lại được như cũ. » Vua nói rằng : « Trẫm có lòng thương bày-tỏ mong báo-dáp ; người có lòng tự trách mình, nhớ người cũ, thực là « lương tâm » (hai bên đều phải đạo). Duy-Hiệp

chưa xong việc mà đã mất, chỉ mong người cố sức làm việc đồ được ơn lây. Người có lòng ấy thì cái kỳ-vọng không phải là ít, người nên cố gắng lo toan ! » (Dịch trong *Đại-Nam chính biên liệt truyện*, nhị tập, quyển 26, tờ 25a — 29 a.)

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

Giới thiệu

Óc khoa học của P. N. Khuê giá 2 \$ 20.

Đó là cuốn sách mới ra của nhà xuất bản Hàn Thuyên cho đăng trong tập Văn Mới 11 và 12.

Ông P. N. Khuê trong văn giới không phải là một cây bút xa lạ. Các sách trước của ông như những cuốn « Một sức khỏe mới », « Nghị lực » và « Nguồn sinh lực » đều đã được các người đọc hoan nghênh về cách lập luận của ông vừa rõ ràng vừa chắc chắn,

Trong cuốn *Óc khoa học* này ông phê bình những cách nhận thức « khiếm khuyết » của người mình, xét óc khoa học qua triết học (óc kinh nghiệm, óc biện chứng vân vân) rồi sau rốt ông trình bày một vài cách rèn luyện trí xét-đoán.

Cuốn sách có ba phần và mỗi phần có chia ra từng chương nhỏ: người đọc thấy dễ lĩnh hội những ý tưởng của tác giả,

Những cuốn sách như cuối *Óc khoa học* này đáng được mọi người hoan nghênh và tác giả vì công phu và suy nghĩ chặt chẽ. Chúng tôi xin giới thiệu cuốn sách đáng đọc ấy cùng các bạn Tri Tân.

MANH - PHA

VẤN-ĐỀ « HỌC »

TIỂU HỌC ĐÔNG DƯƠNG

(bài nối)

NGUYỄN NHÂN

« Trường sơ-học dạy con trẻ nước Nam, vẫn ở nước Nam, mà không dùng tiếng Nam, đó là điều trái-ngược có một không hai. Đó lại là điều khiến cho thí-sinh học không được giỏi... »

Đây là ý-kiến ông Phan văn-Trường trong báo « L'Annam » cũng về hồi ấy và vấn-đề ấy :

« Dân trong một nước học các khoa mà phải dùng thứ tiếng khác hơn tiếng nước mình, tưởng không có gì si-nhục và nguy-hiểm hơn nữa... »

Nhờ có sự cò-vố của báo-chí trong Nam ngoài Bắc và nhờ vào sự sáng suốt của các nhà cầm quyền hồi ấy nên bắt đầu từ vụ khai-trường năm 1925, trong khắp các trường học Việt-nam ở ba kỳ, ba lớp đồng-ấu, dự-bị và sơ-đẳng đều học bằng tiếng Việt-nam và sách học thì soạn bằng chữ quốc-ngữ. Tiếng Pháp cũng có dạy nhưng chỉ dạy trong các bài tập đọc, âm-tả, luận-văn thôi. Còn các môn sử-ký, cách-trí, địa-dư, toán-pháp đều dùng sách quốc-ngữ hết. Cái bằng « Sơ-học yếu-lược » cũng do nghị-định năm 1924 đặt ra để kết-thúc 3 năm bậc sơ-học.

Đứng trước kết-quả này, hẳn các ông Phạm Quỳnh, Nguyễn Phan Long, v. v. phải được hài lòng. Không đâu ! Sở dĩ các ông nhọc công phấn-đấu bấy lâu, là cốt xin cho cả bậc tiểu-học, từ đồng-ấu đến cao-đẳng, gồm 5 lớp, đều học bằng tiếng Việt-nam và sách quốc-ngữ.

Đây là cái chương-trình của ông Phạm-Quỳnh công-bố trong báo « Avenir du Tonkin » năm 1922 :

« Theo chế-độ hiện-thời, đưa trẻ Việt-nam phải học không dưới số bảy năm... Theo cái chế-độ chúng tôi đã phác-họa, các môn học sẽ dạy bằng tiếng Việt-nam, thì kể cả các việc, muốn thi bằng Sơ-học Việt-nam, không hơn 5 năm ; vì phải nhận rằng đưa con trẻ học điều chi dạy bằng tiếng nó thì dễ hơn và mau hơn là dạy bằng tiếng ngoại-quốc. Trọn 5 năm ấy, nó không chỉ học tiếng Việt-nam mà thôi đâu ; nó cũng học tiếng Pháp nữa, một tuần học nhiều giờ, nhưng học theo phương-diện tiếng ngoại-quốc và theo một phương-pháp trực-tiếp ; đưa trẻ ấy sẽ học các tiếng nói thường dùng, cách đặt câu, cách nói chuyện thông-thường và cần nhất là học dịch tiếng ra.

« Theo cách học mới chúng tôi vừa đề-xướng, đưa con trẻ Việt-nam không học hơn năm năm thì đã được văn-bằng sơ-học Việt-nam. Nó sẽ lợi được hai năm. Hai năm ấy, sẽ học tại trường chúng tôi gọi là « trường dự-bị Pháp-học » sẽ lập tại các tỉnh-lỵ hay là các phủ huyện lớn. Vào đó, đưa trẻ chỉ học ròng tiếng Pháp ; nó chỉ học tiếng Pháp mà thôi, và học với các ông giáo người Pháp có tài, lại cũng ôn-nhuần các môn học Việt-nam nó đã học ngày trước... »

« ... Chúng tôi không thể không

nhớ rằng cái thuyết của chúng tôi không thể làm cho mọi người vừa ý được, và chúng tôi biết trước rằng muốn dứt cho mau sự cãi-lẽ, thì trong đảng phản-đối sẽ có kẻ sâu-hiềm nói rằng cái thuyết chúng tôi là do nơi lòng bài Pháp. Đó là cái lý cuối cùng của những kẻ không viện được cái lý nào khác hơn... »

Cái chương-trình mà Phạm tiên-sinh phác-họa ra năm 1922 thì 8 năm sau ta lại thấy tiên-sinh hăng-hái bênh-vực ở Đại-hội-nghị kinh-tế lý-tài Đông-dương.

Những đoạn văn sau đây trích dịch trong tập biên-bản những phiên họp của Đại-hội-nghị năm 1930.

Người khởi-xướng vấn-đề này ở kỳ Đại-hội-nghị ấy là ông Nguyễn Phan Long :

« ... Dạy các điều tri-thức bậc sơ-đẳng cho trẻ con cả nước mà dùng thứ tiếng khác chứ không dùng tiếng bản-xứ, phép giáo-dục đó quyết là sai lầm. Các ông làm thế, cái kết-quả thật chán ngán thay. Khi thi bằng sơ-học, các bài toàn là chữ Pháp, các thí-sinh dự-bị đi thi nhọc-nhằn cực-khổ vô cùng... »

Tiếp lời ông Nguyễn Phan Long, ông Phạm Quỳnh đứng dậy nói rất nhiều và rất hăng hái. Đây tôi chỉ xin trích-dịch một đoạn thôi :

« ... Thưa các ông, vấn-đề của bạn đồng-nghiep, chúng ta là ông Nguyễn Phan Long vừa khởi-xướng lên đó, quả là vấn-đề rất hệ-trọng, không nên xem thường, vì có quan-hệ đến cả tiền-đồ việc giáo-dục trong nước.

Về phương-diện đó, tôi tưởng có một việc cải-cách to-tát nên làm ; nên sửa đổi cả cái chế-độ

bậc sơ-học từ trên đến dưới. Phép dạy ở trường sơ-học nên dùng tiếng bản-xứ; các nhà đương-cục đã cho dạy ba lớp đầu, sao lại không tiến thêm hơn nữa?

Sao lại không đặt ra cái bằng sơ-học cho thi toàn là tiếng bản-xứ cả? Dạy tiếng Pháp nên dạy như tiếng ngoại-quốc mà không nên dùng làm tiếng cơ-quan (langue véhicule)...

Năm 1931, nhân dịp ông tổng-trưởng bộ thuộc-địa Paul Reynaud sang thăm Đông-dương, chỗ này chỗ kia có đề lên ngai những tập thỉnh-cầu. Trong một tập nhan là « Réception de M. Paul Reynaud » tôi có thấy đoạn này liên-lạc đến việc học ở xứ ta:

«...Trưởng làm như sau này có thể vừa lòng phải muốn học toàn chữ Nam và phải muốn học toàn chữ Pháp:

— Dạy luân-lý và các điều trí-thức thông-thường bằng quốc-ngữ, dùng sách quốc-văn giáo khoa thật nhiều.

— Làm chừng cái học đó, đặt lệ thi bằng sơ-học, các bài viết các bài vấn-đáp bằng tiếng An-nam, có phụ thêm hai bài chữ Pháp: bài ám-tả và bài luận-văn về một đầu-đề rất giản-dị...»

Ta nên nhớ rằng mấy chữ « bằng sơ-học » đây là chỉ cái bằng tốt-nghiệp mà ông Phạm

Quỳnh đem đặt vào cuối năm học thứ năm. Đủ bằng ấy rồi, muốn lên bậc trên, phải qua hai năm học toàn tiếng Pháp.

Tôi vẫn hằng đề tâm đến chế-độ giáo-dục ở nước nhà. Tôi đã suy-nghĩ nhiều về vấn-đề này và tôi thấy rằng chương-trình mà ông Phạm Quỳnh công-bố năm 1922, nhắc lại năm 1930, thật hay vô cùng. Muốn cải-cách bậc tiểu-học của người Việt-nam thì không thể làm thế nào hoàn-mỹ hơn thế nữa.

Tôi xin lạm bàn vài điều thuộc về chi-tiết để thực hành chương-trình đó.

Bậc tiểu-học của ta chính-thức sẽ có đủ 5 lớp: đồng-ấu, dự-bị, sơ-đẳng, trung-đẳng, (một trung đẳng thôi) và cao-đẳng. Tất cả các môn học như luân-lý, cách-trí, sử-ký, địa-dư, vệ-siuh, toán-pháp, đều học bằng quốc-ngữ, trong suốt 5 lớp. Từ lớp sơ-đẳng đến lớp cao-đẳng, trong 3 năm ấy, có thêm khoa Pháp-văn, dạy trong cái bài tập đọc, ám-tả, luận-văn, tập dịch: ở lớp sơ-đẳng, mỗi tuần 5 giờ, ở hai lớp trên học nhiều hơn. Hai lớp dưới cùng (đồng-ấu, dự-bị) không có những bài Pháp-văn ấy. Hiện nay, chính ở Trung-kỳ học trò lên đến lớp sơ-đẳng mới bắt đầu học Pháp-văn, cũng mỗi tuần 5 giờ thôi, chứ không phải học ngay từ lớp đồng-ấu như ở Bắc-kỳ và Nam-kỳ.

Hết 5 năm, nghĩa là hết lớp cao-đẳng, sẽ có kỳ thi tiểu-học toàn bằng quốc-văn, có thêm những bài thi Pháp-văn không bắt buộc (épreuves facultatives), đại-khải có một bài ám-tả một bài luận, một bài tập dịch. Ai đủ tốt về 3 bài pháp-văn này thì trên

văn bằng tiểu-học, sẽ chưa thêm « mention de français » y như kiểu cái bằng mà ta quen gọi là « sơ-học yếu-lược ».

Ở những phủ huyện nhỏ trường nào chỉ có 3 lớp đồng-ấu, dự-bị, sơ-đẳng, gọi là trường sơ-học, và bằng tốt-nghiệp là bằng sơ-học, thi toàn bằng quốc-văn, không có bài Pháp-văn. Ta nên phân biệt điều này: bằng « sơ-học » là bằng kết-thúc 3 năm học đầu, còn bằng « tiểu-học » là bằng kết-thúc cả 5 năm học. Lại còn một điều nữa rất cần: trong trường tiểu-học, học-trò lớp sơ-đẳng được tùy ý thi hay không thi bằng sơ-học nhưng không thi cũng vẫn tự-nhiên lên lớp trung-đẳng như thường, không phải qua kỳ thi nào khác cả. Riêng học-trò ở ngoài đến, phải có bằng sơ-học mới được vào lớp trung-đẳng và tùy theo chỗ ngồi có thừa hay không: thừa thì mới lấy học trò ngoài vào, không thì thôi. Như vậy để tránh sự bắt buộc học-trò, vẫn ở một trường mà phải qua một kỳ thi mới được từ lớp sơ-đẳng lên lớp trung-đẳng.

Học trò các trường sơ-học, do bằng sơ-học rồi, muốn học nữa thì làm thế nào? Họ có thể xin vào lớp trung-đẳng trường tiểu học công nếu còn chỗ; nếu không thì học tư hay học lấy, vì điều kiện thi bằng tiểu-học sẽ dễ dãi như thế này: hoặc là học đủ 5 năm tiểu-học, có học-bạ làm chứng; hoặc là có bằng sơ-học hai năm trước năm thi bằng tiểu-học, bất cứ hai năm ấy học trường công, trường tư hay học lấy đều được cả.

Ở các trường tiểu-học những tỉnh-lý hay thành-phố có đặt thêm
(Xem tiếp trang 21)

Giá báo

Mỗi số	0 \$ 30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giá tiền trước

Nhị nương :

Miền bà đương lánh nạn chốn lầu
tranh
Nhưng đêm nay hồi giảng tất lúc
sang canh,
Ta sẽ đến... rồi đưa bà tâu thoát,
Việc cần phải làm nhanh trong
chốc lát...

Phạm thái :

Vậy đêm nay ta quyết sẽ cùng đi,
Dùng mưu cơ mà cứu thoát
Hoàng phi.

(Cả ba người cùng đi vào. Màn chuyển
bày ra một cảnh nhà tranh.) (1)

Cảnh II

(Bà Hoàng phi thêm những
người trên)

Âm nhạc : tứ đại oán

Hoàng phi :

Còn đâu nữa ôi ngai vàng rực rỡ !
Đâu lầu cao nghiêng bóng dưới
trăng ngà,
Đâu gác thăm khi chiều buông
rộng mở
Đón hương nồng thơm nức của
muôn hoa,

Quân vương ơi trong gian phòng
tam tối,
Thiếp mơ chàng tòi nời ở phương
xa.

Nơi phương xa mây mờ ngăn
chặn lối :

Nẻo đi về hồn thăm của hai ta.
Quân vương ôi ! từ nay thời tiện
thiếp

Không còn mong trông thấy nữa
long nhan ;

Hãy nán nà đợi chờ cho hết kiếp
Rồi... nơi suối vàng mang nặng
khối hờn oan.

Quang ngọc ra :

Tâu lệnh bà kiêu mã đã chờ bên,
Tâu lệnh bà sấm sủ kịp lên yên.

Phạm thái :

Tâu lệnh bà vội vã sắp ra đi,
Chỉ một phút chờ là một phút gian
nguy...

Nhị nương :

Bà Hoàng phi,
Trời ơi, trong những bước
lưu ly.

Hoàng phi :

Nhị nương hỡi, trời ơi, ôi bờ
ngõ
Ta đã tưởng cùng em không
gặp gỡ...

Nhị nương :

Tâu lệnh bà đây hai bậc trung
thần
Đã mấy đời dày dãi hoàng ân,
Đương mưu sự phục thù cho
tổ quốc.

Hoàng phi :

Các tướng sĩ đã hết lòng trung
nghĩa,
Thờ quân vương tổ quốc chẳng
sai lòng,
Thần mọn này trong những
bước tòng vong,
Xin khâm phục tấm gương
hùng nghĩa khí.

Quang ngọc :

Thần dâng vốn con dòng nho
sĩ
Phải hết lòng cho trọn nghĩa
tôi trung
Kể làm chi tâu khổ với lao
lung,
Khi lòng đã nặng tình vì tổ
quốc.

Nhị nương :

Đường u tối mà lẽ nào lên
đuốc,
Thôi, hãy xin bà nán lại suốt
đêm nay,
Rồi tình sương khi ánh rạng
chân mây,
Thần dâng sẽ hộ giá người
lên xứ Lạng...

Phạm thái :

Thần tử đã quyết hy sinh vì
nghĩa nặng

Kịch dài bằng thơ

Phạm Thái

Viết theo « Tiêu-sơn tráng-liều thuyết của Khái-Hưng

Số 5

PHAN-KHẮC-KHOAN

Vậy cùng lệnh bà xin bài biệt
lui ra,
Đề rồi đây cùng đến Lạng sơn
xa.
(Q. N. N. N. P. T. ra)

Hoàng phi (một mình) :

Lạng sơn xa,
Nơi rừng xanh và núi rậm,
Nơi non nước ngàn trùng xa
thăm thẳm,
Ngất trời cao đứng dựng trấn
biên cương ;
Nơi còn-mong gặp gỡ được
quân vương ..

Giờ đây chắc hoang mang nơi
đất khách,
Niềm tư hương khuya sớm
chẳng khuấy lòng,
Giờ đây chắc nơi trời xa trở
cách,
Người vẫn còn căm giận bước
long đong...

Riêng ta cứ đường kim và mũi
chỉ,
Lòng trung ái vẫn một niềm
chung thủy ;
Đề đợi ngày gây lại cảnh hiên
ngang.
— Chim trời xa đương nhớ bến
mênh mang...

Bà Hoàng phi đi vào khuất. Màn vẫn
đứng yên. Đèn ở trong tắt. Rồi một tấm
màn mỏng có thể trông thấy qua được
luồng xuống cách tấm màn ngoài một
khoảng hẹp. Phía sau màn là cảnh « An-
nam dinh » bên Tàu. Đèn lại sáng lên (2).

Cảnh III

Cảnh Annam dinh bên Tàu.

(Cảnh sơ sài và u tịch. Vua
Lê nằm trên sập rồng dựa
lưng vào một chõng gối. Một
tên thị vệ đứng hầu, cầm quạt
và bưng chén thuốc ; bên
cạnh một hương án trên có
lư trầm và đèn nến. Vua Lê
rất mệt nhưng cũng gắng-
gượng).

Âm-nhạc :

« Nam-ai vắng vắng »

Lê Chiêu-thống :

Chư khanh ơi, trải bao lần
kham khổ,
Vua tôi cùng phiêu bạt đến
quê người
Mong xây lại cơ đồ đương sụp
đổ
Cho trong ngoài trăm họ được
yên vui.
Nhưng ngán nhẽ trời cao không
đoái tưởng,
Đề vận nhà suy đổ nước lâm
nguy
Đầy thân thể tòng vòng đà vất
vưởng,
Riêng trăm còn đau chịu cảnh
sầu bi.
Hồn trăm sẽ bay về nơi cực
lạc
Hay sẽ về u uất dưới diêm
cung ?

Nhưng các người trên đường
trần tảo mác
Biết bao giờ qua khỏi bước
lao lung ?
Chư khanh ơi, đây phòng sao
lặng lẽ
Đâu ngòi vàng chói lợi của nhà
Lê ?
Và non nước hơn nghìn năm
rực rỡ
Không còn mong thấy trăm lại
quay về.
Bao lâu nay nơi phương trời
lặn đạn
Trăm hằng mong nhớ tưởng
tới hoàng phi
Ái phi ơi, bao giờ người nổi
hận
Đã vì ta lâm phải bước lưu ly ?
Khi sắp phải xa hồn thân gói
liệm
Ta chỉ còn mong gặp gỡ được
hoàng phi
Còn đâu kẻ chung tình âu yếm
Lau dùm ta đôi giọt lệ lâm ly ?
Đây chiếc nhẫn kim cương
lồng ngọc bích
Xin trao người gởi lại ; nọ
hoàng phi
Xin trao lại cho người đây vết
tích
Của lòng ta không một chút
suy vi.
Thế là hết : còn đâu ôi vận hội
Đâu cơ đồ khai sáng của tiên
vương
Trời rực rỡ vùng đương vừa
chói lợi
Bỗng mây dày dèm xâm bóng
thê lương.
Thế là hết ôi trung thần nghĩa
sĩ
Đã từng quên tính mệnh tính
giúp quân vương

Trăm vìn cũi đợi mang ơn
hùng vĩ
Khi linh hồn siêu thoát chốn
tha hương,
Chư khanh ơi hãy lên đèn
sáng tỏ
Đốt hương trầm cho nghi ngút
trời cao
Cho thăm thăm chín từng xanh
thấu rõ
Cho hồn ta chóng thoát được
phiêu Đào.
(Vua Lê thừng lỵ)
Âm-nhạc : « Nam ai »

Như từng :

Đây đất khách hoang mang
lòng cảm xúc
Đây lư trầm man mác tỏa tuôn
hương
Đây gió lộng trong sương mờ
rợn khốc
Đưa linh hồn u uất của quân
vương
Quân vương ơi nơi quê người
âm đạm
Bầy tôi trung đương nung nấu
củ tim gan
Tưởng đất khách cùng nhau
nuông nầu tạm
Nhưng thời rồi, hy-vọng của
giang san
(Còn nữa)

PHAN-KHẮC-KHOAN

(1) Đoạn sau đây về cảnh « Annam
dinh » bên Tàu là một cảnh huyền
ảo, một cảnh phụ (Scène Super
posées), một quan niệm mới, như
nếu khó thực hiện, có thể bỏ
đi cũng được.

2) Cách « dàn cảnh » về lối
chuyển — một ý mới, có thể nói
một sự phát minh trong kịch nói
xin nói sau với những chỉ tiêu
cách « dàn kịch ».

DANH NHƠN NAM-KỲ

TIỂU-SỬ

CỤ THỦ KHOA NGHĨA

(1807 — 1872)

Số 1

TRỰC THẦN

Bùi-hữu-Nghĩa (裴有義) cũng gọi là Ngãi (1), hiệu Nghi Chi (宜之) sanh tại Long-tuyền thôn, Định-thới tổng, Vĩnh-định huyện, Định-viên phủ, Vĩnh-thanh trấn (về sau dưới triều minh-mạng đổi lại là An-giang tỉnh, bây giờ là Cần-thơ).

Tuy con một kẻ thuyền chài, Bùi-hữu-Nghĩa, lúc bé, thông minh, hiếu học, xem đâu hiểu đó. Cái thiên bẩm sáng suốt ấy lại đi đôi với một nhơn cách hiên ngang tự phụ, cho nên, dầu tài cao học rộng, hoạn đồ không được vẻ vang.

Ít năm sau khi theo đòi nghiên bút, Nghĩa có được một học lực kha khá; một nhà cự phú họ Ngó ở chung làng mới nhờ cậu thơ sanh đình ngộ ấy làm bạn đồng hành để cùng con là cậu Du lên tòng học với ông đồ Hoành ở tận trên Biên-Hòa. Đó là một dịp may cho ông thân sanh trò Nghĩa, tức cụ Bùi-hữu-Vĩ, gọi con đi lần vào hoạn lộ. Lên đến Biên-hòa, hai cậu ăn ở nơi nhà ông bạch đàm hộ trưởng (2) Nguyễn-văn-Lý.

Nghĩa học mau tấn phát, không vượt bậc vượt ngôi, rất được y khen, bạn mến, nhứt là ông Lý đã sẵn nuôi một ý định từ lâu: khi bước thang mây thênh thang rộng mở thì ông tân khoa Bùi-hữu-Nghĩa sẽ được chọn làm ng tể. Cái duyên mệnh mà với trưởng nữ Nguyễn-thị-Tồn

tức Diệu sẽ làm phần thưởng xứng đáng dành riêng cho anh học trò khó ấy vậy.

Năm ất vị (1835) nhằm năm Minh-mạng thứ 16, Bùi-hữu-Nghĩa đậu giải-nguyên, kỳ thi lương ở Gia-định (3). Lúc ấy, Bùi được 29 tuổi. Năm sau lại ra Huế đề thi hội, nhưng rớt tấn-sĩ. Người ta thuật rằng, vào châu đức Minh-mạng, cụ có xin cho về học lại đến khoa sau ra ứng thí rồi sẽ lãnh tước phục triều-đình. Đức Minh-mạng cho rằng cụ có ý không khứng khuong phò dưới triều ngài nên bắt tội và lên án « giữ ngự điền » trong ba bữa mới cho về bãi tồ vinh quy (4). Bước đầu của hoạn lộ đã thấy mối không may rồi!

Khi hồi hương, cụ không ghé lại nhà ông Hộ Lý, thẳng đường đi ngay về Bình-thủy. Cô Nguyễn-thị-Tồn tức Diệu, người đã thầm ước thầm mơ cái ngôi bà thủ khoa, mới đến năm đầu vớng mà « dạy » cho ông « tấn-sĩ hụt » một bài học về lễ giáo. Cụ Nghĩa biết phục thiện và tạ lỗi. Ghé lại nhà ân nhân; sau một bữa tiệc linh đình, khao thưởng, sau những lời hẹn hứa về tương lai, cụ trở về làng cũ nhờ chị cả là bà hai Thừa lên tận Biên-hòa hỏi cô gái lớn của ông Hộ Lý làm chánh thất.

Cụ được bổ nhậm chức tri-phủ

Phước-long, tỉnh Biên-hòa. Nhờ tài cao học rộng, được triều-đình đề ý, bước đầu tiên cụ đã vượt bậc (lễ ra thì cụ chỉ được bổ tri-huyện). Ở đấy, cụ làm lễ thành hôn với bà Nguyễn-thị-Tồn, tức Diệu, là người sau này sẽ giữ một vai quan-hệ trong cuộc đời của cụ.

Cụ Thủ-khoa Nghĩa là một vị quan thanh liêm, chánh trực, luôn luôn kinh chống với kẻ bề trên, chẳng khi nào chịu phục lụy dưới một uy-quyền. Bao giờ, cái tánh ngang tàng cứng cỏi ấy cũng là một trở lực lớn lao trên con đường làm quan của cụ.

Trần, nhậm Phước-long ít lâu, không được lòng kẻ « bề trên », cụ bị « tâu, bảm » thế nào mà phải truất xuống chức tri huyện và thuyền bồ đi trấn huyện Trà-vang, tỉnh Long-hồ (bây giờ là Trà-vinh), dưới quyền quan tổng-đốc Trương-văn-Uyển và bố-chánh Truyện.

Ở đấy, cái tánh cang-trực của cụ lại gây ra lắm sự thù hiềm và ngay ở đấy cả cái tòa lâu-đài nguy nga sụp đổ, cụ mất ngôi tri-huyện và bị án làm một anh tiền quân!

Vì sửa-trị một cậu công tử quá tự kiêu, tự đắc (5) — cậu công tử ấy lại là em vợ của quan Bố-chánh — cụ Thủ-khoa Nghĩa đã kết oán cùng vị thượng quan ấy. Ôm cạnh cánh cái hồn bị kẻ dưới tay làm nhục, ông Bố Truyện lo

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

tìm một cơ-hội để phục thù một cách cay độc. Thì cái cơ-hội tình-cờ lại đến: đó là vụ thủy-lợi ở Láng-thé.

Nguyên thuở lưu-lạc, đức Nguyễn-Ánh được dân Mán Thồ ở Trà-vang quyên giúp lương phạn rất nhiều. Khi tức vị, Thế Tồ Cao hoàng-đế có ban một chiếu-chỉ miễn thuế thủy-lợi con rạch Láng-thé, cho dân cư được đời đời cộng hưởng.

Về sau có một tên khách trú đem của lo cùng quan Tổng-đốc và Bố-chánh đầu tỉnh được trọn quyền mua thủy-lợi con rạch ấy. Thồ dân uất ức, nhưng vì cô thế không chống cự nổi với bọn tham-nhũng, mới kéo nhau đến thưa cùng quan huyện Trà-vang. Biết cái chỗ lộng phép của hai vị đầu tỉnh, cụ Thủ-khoa không thể không xử được. Cụ mới dạy bọn thồ dân rằng nếu có một ai lớn hơn đức Thế-tồ phê bán rạch ấy thì chúng phải ép lòng cam chịu, bằng một kẻ nào nhỏ hơn đứng ra bán thủy-lợi thì chúng cứ « chém đầu » cũng không sao.

Vì ngu muội, thồ dân nghe lời ấy lấy làm đặc chí, ra về gây nên những cuộc xô xát đồ máu và

Thông chế Pétain đã nói:

« Hỡi các bạn thân quý, hãy đuổi sự ngờ vực ra khỏi cõi lòng, và cố bỏ những lời phỉ báng chua-chát. Hãy nghĩ đến vị Quốc-Trưởng yêu mến chúng ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước cơn giông tố ».

« cấp đường » (6) đến mấy mạng người. Khi bị bắt, chúng cứ khai ngay lời quan huyện dạy bảo. Bằng theo lời khai ấy, quan Tổng-đốc khép cụ Thủ-khoa vào tội « xúi kẻ giết người và làm loạn ». Ngải hội công-đồng, gồm có quan Tuần-phủ, Án-sát và Bố-chánh, đề nghị-luận và lập án. Cụ Thủ khoa Nghĩa bị giam tại đề-lao Long-hồ.

Sau khi nghị-luận, Hội công-đồng lên án « xử tử » cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa, chỉ còn đợi phê-chuẩn của Triều-đình là cái đầu của kẻ cang trực, của đảng anh tài đành chịu rơi dưới ngọn đao của tên đao thủ phủ.

(Còn tiếp)

TRỰC THẦN

(trong Tây-dô văn đoàn)

(1) Ở Nam-kỳ, có người đọc chữ 齋 (nghĩa) là ngãi hoặc ngời, ở làng Long-xuyên ai cũng gọi cụ Thủ-khoa là Bùi hữu Ngãi.

(2) Bấy giờ, ở Biên-hòa có cái tục thâu dẽm trắng (dẽm đương bằng lá buôn) thay vì tiền thuế. Nên có cái tên bạch đàm hộ trưởng đề chỉ hộ trưởng coi về việc thuế má.

(3) Mười năm về trước, (khoa ất-dậu) cũng tại trường Gia-định, cụ Phan-thanh-Giản đầu cử nhơn. Có câu truyền-tụng: Đồng-nai có cặp rồng vàng, nhưt Bùi hữu Nghĩa, nhì Phan tuần-thần.

Về khoa ất-vị này (1835) có hai điều đáng nhắc:

Điều thứ nhất — Nó là khoa thi đầu tiên sau khi định « tam trường thi pháp », nghĩa là cử-tử phải qua trường nhưt với văn Bác-cổ một bài truyện, một bài kinh, đến trường nhì với thi và phú: thi thì dùng Đường luật thất ngôn, phú thì theo thể nhà Minh nhà Thanh bên Tàu; nhiên hậu mới vào trường ba để làm văn sách và vào phúc hạch để làm một bài hạ biếu.

Điều thứ nhì — Nó không theo lệ « Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu » và bấy giờ Nam-kỳ đang ở vào lúc loạn Lê-văn-Khôi, nhà vua e nho sĩ học tập phép thi mới chưa thuần nên cho triều khoa Ngọ qua năm Mùi.

(4) Theo lời cụ đốc Trương, một danh nho đồng thời với cụ Thủ-khoa, khi ra Triều-định Huế, cụ Thủ-khoa nhờ giọng tốt được cử xướng lễ trên đàn Nam-giao. Đến lễ thứ nhì cụ xướng lộn là « Sơ hiến lễ ». Trong khi tiếng của cụ còn ngân nga, đức Minh-mạng liếc cụ Lễ bộ thượng-thư đề thăm trách cứ cái lỗi xướng lộn ấy. Cụ Thủ-khoa nhận thấy kịp sự lẫm lộn mới xướng tiếp luôn « Sơ hiến lễ... dĩ thành, thỉnh hành á hiến lễ ». Đức Minh-mạng có thưởng cụ một nén vàng về cái tái bạt-thiệp.

Lại thuật khi cụ trở về Nam-kỳ đi ngang một ngôi chùa có ông Phật bốn tay, có làm bài từ tuyệt này:

Phật bốn tay, Phật bốn tay,

Tiếng đồn năm trước đến năm nay,

Đường mây ta đã xung xang bước,

Cõi tục mi còn xăn bản đây?

Cụ đốc Trương phê-bình rằng có lẽ vì sự ngạo-nghe ấy mà cụ Bùi-hữu-Nghĩa « mất đức », nên chịu truân-chuyên về hoạn-lộ, (ông Nguyễn-dại-Liên nói hình như bài này của cụ Cử Trị ông Nguyễn-văn-Giai, cháu ngoại cụ Thủ-khoa, lại bảo là của ông ?) hữu-Tú. Tôi cứ xin chép ra đây, những nhà khảo cổ dạy lại).

(5) Đã phạt cậu công-tử ấy rồi, cụ còn đánh gỏi bố Truyện rồi về tội không biết dạy và thả vợ lêu-lộng.

(6) Tiếng thồ nghĩa là chém đầu.

Ài chưa biết chữ nào?
Ài muốn học thêm chữ nho?

nên mua quyển

CHỮ NHO
HỌC LẦY

Cử nhân DƯƠNG-BÁ-TRẠC
soạn

Giá 1\$00 — cước thường
0\$12 — đảm bảo 0\$32

không gửi lĩnh hóa
giao ngân — Đề cho:

hiệu ĐÔNG TÂY 198,
hàng BÔNG — HANOI

Các tiệm sách mua buôn
có hoa hồng hậu

« NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI »

(quyển hai)

của Vũ-ngọc-Phan

KHIẾT PHỦ viết

ÔNG Vũ ngọc-Phan vừa cho xuất bản tập thứ hai quyển *Nhà văn hiện đại* (1) của ông. Viết bài này, tôi không có ý phê-bình tập sách vì nó mới là một phần của một bộ sách lớn chưa ra đời hết. Tôi chỉ nhân đọc nó, muốn bàn về cái phương-pháp phê-bình của Vũ-quân.

Theo ý tác-giả thì tập *Nhà văn hiện đại* chỉ là một tập phê-bình văn học chứ không phải là một quyển văn-học sử, vì vậy ông không « phải xét tác phẩm của nhà văn qua thân thể của nhà văn,... phải tìm cho ra những tôn chỉ và lý thuyết về văn học của mỗi nhà... phải nghị luận cho có sự liên lạc giữa nhà văn nọ với nhà văn kia để tìm cho ra phong trào văn-học một thời mà kết luận thật tường tận » (N.V.H.Đ., tr. 281).

Tôi nhắc lại, là nhà phê-bình văn học, ông cho là không thuộc trách nhiệm của ông, việc :

— xét tác-phẩm của nhà văn qua thân-thể của nhà văn ;

— tìm cho ra những tôn-chỉ và lý-thuyết về văn học của mỗi nhà ;

— nghị-luận cho có sự liên lạc giữa nhà văn nọ với nhà văn kia để tìm cho ra phong-trào văn học một thời mà kết luận thật tường tận.

Công-việc của ông có thể chỉ ở

trong sự định giá-trị từng tác-phẩm một của mỗi nhà văn.

Ông rất có quyền làm như thế, đó là sự tự-do của ông, sự tự-do không bờ bến của một nhà phê-bình.

Ta hãy xem ông định giá-trị từng tác-phẩm thế nào.

Muốn biết cái chân giá-trị của một văn phẩm tất phải biết những cái hay và cái dở của nó, nêu được những cái hay, những cái dở là đã làm xong công-việc định giá-trị rồi. Chắc tác-giả nghĩ thế — mà nghĩ thế đã chí lý lắm — nên hầu hết các bài phê-bình của ông có hai đoạn, một đoạn khen những cái hay, một đoạn chê những cái dở; tôi có cảm tưởng như trong nhiều bài, ông không muốn chê, nhưng vì đã đặt công việc như vậy nên ông cũng phải tìm một cái gì, dù rất nhỏ, để chê.

Theo cái nguyên-tắc ấy, ông phê-bình từng tác-phẩm một của nhà văn. Tôi lấy thí-dụ bài ông nói về những sách của ông Trần trọng-Kim :

« Ông bắt đầu nói đến quyển *Sơ học luân lý* xuất bản năm 1914, quyển *Sư phạm khoa yếu lược* xuất bản năm 1916. Về hai quyển này, đề định giá-trị, ông nhắc lại lời phê-bình của ông Phạm Quỳnh : « Sách trước của ông anh là sách *Tiểu học luận*

lý nay đã được tái bản, thế cũng đủ biết rằng sách ấy thực là đối với một sự yêu-cầu rất khẩn của bọn thiếu niên đi học trong nước ta. Sách mới của ông anh là sách *Sư phạm yếu lược* này, thiết tưởng cũng là đối với một sự yêu-cầu không khẩn kém gì của bọn làm thầy dạy trẻ nước nhà... ».

Tiếp đến quyển *Sơ học An-nam sử lược*. Về quyển này, cũng như hai quyển trên, đề định giá-trị, ông nhắc lại lời phê-bình của *Đông-dương tạp chí* : « Ông Trần-trọng-Kim mới soạn ra bộ *An-nam sơ học sử lược*, chia ra làm năm thời-đại, công khảo cò đã tiêm tất, mà văn kí sự lại tường minh ; mỗi đời có những chính trị, phong hóa, giáo dục, công nghệ và nhân-tài đều kê cứu mà ghi chép cả. Nhà làm sách lại tùy việc mà thêm lời bình luận, có tân lý tưởng, khiến cho nhà đọc sách ai cũng biết công đức tổ tiên gây dựng là nhường nào ; thực là một kho sử rất mới, rất hay, ích lợi cho bọn thiếu niên ta lắm » (N.V.H.Đ., tr. 14—15).

Rồi đến quyển *Việt-Nam sử lược*, quyển *Nho giáo*. Về quyển sau này đại khái ông nhắc lại rằng khi ông Trần trọng-Kim xuất bản bộ *Nho-giáo*, ông Phan-Khôi trong *Phụ nữ tân văn* đã khen là một bộ sách có giá-trị nhưng chê nhiều đoạn :

« Trong quyển Nho giáo (quyển nhất, in lần thứ nhất — 1930) Trần trọng-Kim có viết: « Đối với cuộc tạo hóa thì Khổng-phu-tử cho rằng lúc đầu ở trong vũ-trụ chỉ có cái lý vô cực tức là đời hỗn-mang mờ mịt không rõ là gì cả. Lý vô cực ấy tức là lý thái cực ». Phan Khôi liền bẻ rằng: « Ấy là cái thuyết vô cực nhị thái cực của Chu đôn-Dĩ nhà Tống, chứ Khổng-tử không hề nói như vậy... »

« Trần trọng-Kim hỏi đó có trả lời lại Phan Khôi về điều trên này: « nói rằng Khổng-tử chỉ nói thái cực, chứ không nói đến vô cực thì quả thật như vậy. Cái tôn-chỉ của Khổng-giáo là chỉ nói cái động thể, không nói cái tĩnh thể của vũ trụ. Song biết đâu Khổng-tử đã đi học Lão-tử lại không nghĩ đến vô cực? Vì trước khi có cái có tất phải có cái không... »

« Đó là những lời cãi gượng... »

Ông cũng nhắc lại rằng, ông Ngô Tất-Tố, tác giả tập Phê bình Nho giáo, khen và chê bộ Nho giáo, khen là quyền sách « có công với nền văn học nước nhà », chê là nếu ông Trần trọng-Kim cho chữ quân của Khổng-tử có nghĩa là quân-quyền thì sai.

« Còn theo ý Ngô-tất-Tố, chữ quân của Khổng-tử không có nghĩa là quân quyền như Trần-trọng-Kim đã nói. Sự thực thì cái lối trung quân của Khổng-tử là « trung với bản thân những người làm đế, làm vương ». Rồi ông cử những việc sau này làm bằng chứng: trong kinh Xuân thu, Khổng-tử không bỏ sót một ông vua nào mà không chép công tức vị, cho đến Hoàn-công là kẻ giết anh để cướp

ngôi, Khổng-tử cũng chép công tức vị như thường; « lại khi Ai-công say đắm nữ nhạc, biếng nhác chính sự, ngài đã định bỏ ngôi quan, nhưng lại chờ cho đến lúc tế giao không chia phần thịt cho các đại phu, mới đi, để khỏi lộ cái tội mê gái của vua »; rồi Khổng-tử đã biết Chiêu-công là người không biết lễ, nhưng khi viên thái-tể hỏi thì ngài lại đáp là có biết, chỉ vì Chiêu-công là vua của ngài nên ngài không dám nói xấu.

« Những lý trên này của Phan Khôi và Ngô tất-Tố đều là những lý vững vàng và có căn cứ, vậy không thể bảo ông vua cũng như ông thống-lĩnh, chế độ quân-chủ cũng như chế độ dân chủ chỉ khác có cái danh chứ cái thực vẫn không khác, và không thể bảo quân nghĩa là quân quyền được » (N. V. H. Đ. trang 39-40).

Sau quyển Nho giáo là quyển Phật lục, quyển Việt-nam văn phạm « quyển V. N. V. P. cũng là một quyển biên tập công phu » nhưng cũng có nhiều cái sai lầm: « Trong quyển Grammaire annamite (bản dịch Việt-nam văn phạm ra tiếng Pháp) « cái nhà ở » tác giả dịch là: la maison d'habitation để ghép chữ ở là tiếng động-tự (verbe) đóng cái vai danh-tự túc-từ, (complément de nom). Thật ra hai chữ nhà ở (dịch ra tiếng Pháp là những chữ: demeure, habitation hay domicile) có thể coi là tiếng danh-tự kép, chẳng cần gì gò bó vào tiếng Pháp cho thêm khó hiểu » (N. V. H. Đ. trang 45).

Đọc những điều trên, bạn đọc có thể nhận được cái phương-

pháp phê-bình của Vũ quân thế nào.

Tôi có cảm tưởng muốn phê-bình những tác-phẩm của một nhà văn, ông đem tất cả những tác-phẩm ấy đặt trên bàn, ông đọc, đọc hết quyển này đến quyển khác. Trong khi đọc ông ghi ra phần trắng của những trang một vài ý nghĩ: « Tác giả hiểu nhầm thái cực với vô cực », « tác giả hiểu nhầm nghĩa quân với quân-quyền ». Đọc xong ông lần lượt chép những lời ghi lên giấy, thế là bài phê bình của ông đã xong.

Làm như vậy có khi ông ghi cả những điều nhỏ quá, có khi đăng tri ông bỏ qua những điều rất quan trọng. Ông cho ta biết cả rằng trong mấy câu thơ của ông Nguyễn văn-Ngọc:

«... Sao quá hợm mình,
Xét xem ai trọng ai khinh
đủ nào,
Năm tôi vua chúa nấu xào:
Còn ai, cho lợn cóm nhào
với sung »

«...chữ ai dùng thừa và hai chữ với sung, ở dưới không thích hợp trong lời đối thoại. Một là dùng chữ ai thì thôi không dùng hai chữ với sung, còn đã dùng hai chữ với sung thì cần phải bỏ chữ ai ».

(Còn nữa)

KHIẾT PHỦ

1) Tân-Dân Hanoi

BÁN ĐẤT

Vì không dùng muốn bán:

1-) 3.000 thước đất giá 20\$ một (ở Chợ Mơ cũ Bạch Mai).

2-) 2.500 thước giá 15\$ một

Hỏi: ó. Phạm-mạnh-Phan

số 34 Ngõ Mai Hương

BẠCH-MAI

PHÊ BÌNH QUẢNG CÁO

KIỀU-THANH-QUẾ



Ở phê bình quảng cáo của nhiều nhà báo ở nước ta (và cả ở nước Pháp nữa!) chỉ giá trị bằng những lời rao của bọn trẻ bán báo — không hơn không kém!

Hoặc nhận tiền của nhà xuất bản, hoặc cảm tình riêng với tác giả, các nhà phê bình quảng cáo « hạ giá » ngòi bút, viết lên mặt báo những lời ca ngợi quá đáng, xem hờ hênh đến buồn cười.

Họa chăng họ muốn bắt trước Joubert bảo rằng: « Khi các bạn tôi chột mắt, thì tôi nhìn ngang chúng » (*Lorsque mes amis sont borgnes, je les regarde de profil*).

Họ thật đáng cho Voltaire chửi độc-dịa bằng câu này: « Người ta hãy ở các nước tân tiến nhiều kẻ làm nghề bình giả chuyên nghiệp, cũng như thiên hạ đặt ra nhiều đũa giữ việc xem xét lười heo, đừng xét coi các súc vật người ta đem ra chợ có đau ốm không » (*on a vu dans les nations modernes des gens qui se sont établis critiques de profession, comme on a établi des lanqueyeurs de porcs, pour examiner si les animaux qu'on mène au marché ne sont pas malades*). (1)

Phê bình quảng cáo! Trong một bài báo (2), Hoa-Bằng cho

đó là *liệt-diêm* của bình giả. Nhưng theo thiên ý, đó là *nhu-diêm* của nhà phê bình.

Vâng, bình giả sở dĩ hạ thấp giá trị ngòi bút xuống làm việc quảng cáo chính bởi quá nhu nhược để cho các tác giả, các nhà xuất bản không chân chính mua chuộc bằng nhiều ngón tinh ngoan.

1) *Các ngón tinh ngoan của tác giả*. — Nhà phê bình và tác giả quen nhau. Còn gì hay bằng! Vì ngoài tác phẩm tác giả, nhà phê bình còn cần hiểu biết tác giả thêm nữa... mới mong viết nên một bài phê bình khám phá. Đáng lẽ nên thành thật giúp nhà phê bình hiểu rõ mình, nhiều tác giả lại làm mờ ám bình giả bằng những bức thư, những lời đề tặng sách rất dua mị.

Hồi tôi còn làm bút phê bình trên báo *Mai*, một nhà thơ đất Thần kinh có gửi tặng tôi một tập thơ. Sau đó ít lâu, nhà thơ ấy gửi cho Đông Chi (một biên-tập viên của báo *Mai*) một bức thư trong đó có nhắc đến chuyện tặng sách cho tôi và thêm: «...anh (Đông Chi) trao lời lại K. T. Quế, nhờ ông ấy phê bình giúp cho một tay; vì sách không bán chạy, chẳng thiết gì cho tác giả, chỉ tội nghiệp cho nhà xuất bản bỏ tiền ra in!»

Những lời ấy tưởng còn chưa thiết yếu bằng những lời này của các tác giả Pháp gửi

cho nhà phê bình, do Henry Bidou thuật lại trong một buổi diễn thuyết (3):

«...Ấy là bòn phận của những kẻ có thể lực công việc bực bực tang mây ngăn ngủ cho những kẻ chưa có thể lực.»

«...Tôi quả là một tuổi trẻ; đây là tác phẩm thử nhứt của tôi.»

«...Ông đã biền hộ cho tôi. Ông, đã làm tổn hại danh dự ông vì tôi. Bây giờ ông không thể bỏ tôi được!»

«...Tôi chuộng một đàn-hặc của ông hơn lời khen tặng của những kẻ khác; và nhứt là tôi chuộng sự đàn-hặc ấy hơn sự im lặng của ông. Tôi sẽ biết ơn những lời phê bình của ông.»

« Trong tủ sách của các nhà phê bình, người ta sẽ bắt gặp những lời đề tặng sách của các tác giả, đại để:

« Kính tặng nhà phê bình..., với mong ước rằng quyền sách này sẽ được hài lòng ông hơn quyền trước.»

« Kính tặng ông... mà duy chỉ những lời phê bình của ông mới có giá trị đối với tôi.»

Cũng có một vài tác giả thật khôn khéo nhờ nhà xuất bản gửi sách tặng nhà phê bình giùm, với giòng đề tặng khắc bản gỗ in vào trang đầu sách như vậy: « Tác giả vắng Hanoi (hay Saigon) xin cáo lỗi không thể ký tên ở đây được.»

2) *Các ngón tinh ngoan của nhà xuất bản*. — Ở nước ta gần đây có vài nhà xuất bản đăng quảng cáo sách mình xuất bản trên các báo, không chịu in tên tác giả, mà trưng lên to tướng tên nhà học giả

đề tựa. Làm như chỉ nhà học giả đề tựa ấy mới đáng kể thôi. Còn tác giả là đồ bỏ! Sao lại thế! Nhà học giả kia dầu yêm bác đến đâu cũng vì tất đã có công phu nhiều bằng người viết ra cuốn sách đề cho ông đề tựa!

Nhưng làm việc trái lẽ ấy, nhà xuất bản cũng có cái lý của ông ta. Vì ông ta có phải bán tên tác giả đâu, mà chính bán tên người đề tựa kia!

Còn trích lời ban khen của nhà phê bình, lại là công việc cơm bữa của các nhà xuất bản. Trong một bài phê bình, sao khỏi có khen, chê. Thế mà nhà xuất bản chỉ trích lục những lời khen thôi. Các nhà phê bình thấy người ta trọng lời phê của mình, trích đăng hết báo này đến báo khác, cũng lấy làm tự hào và không dă động đến mần chi!

Có nhà xuất bản lại tự phụ có thể thay thế bình giả đánh giá tác phẩm. Chính Bernard Grasset trên báo *Figaro* đã trình bày nhiều ý kiến buồn cười, đại để:

— Còn ai biết rõ quyền sách hơn nhà xuất bản của nó? Nhà xuất bản của nó đã chọn lọc nó, nếu lầm lạc thì còn gì!... Thử hỏi nhà phê bình nào băn khoăn về sự chọn lọc một quyền sách bằng nhà xuất bản của nó?

Để thường cùng nghĩ theo Bernard Grasset, nên lắm nhà xuất bản Pháp tưởng có thể hướng dẫn nhà phê bình, nên thường viết cho họ nhiều bức thư dạy khôn họ. Chúng tôi xin theo Henry Bidou lược

thuật hai bức thư dạy khôn bình giả của một nhà xuất bản Pháp.

« Bạn thân-ái,

« Tôi có hơi bối rối mà gửi cho anh những trang hay nhất của quyền tiểu thuyết tôi sắp phát hành trong năm mươi ngày đây. Tôi không biết phải viết cho anh làm sao.

« Thiết tưởng tôi nên bảo anh vẫn tất rằng: « Tôi gửi cho anh đây, một tuệt phẩm, bởi tôi tin chắc rằng quyền là một kiệt tác ». Nhưng tôi còn ngại ở anh có một phản động lại ý kiến táo bạo ấy của tôi nên tôi thấy cần tiếp thêm một đoạn phê bình ngắn.

« Đem trình bày năm nay hai quyền sách mà tôi say đắm, tôi không muốn anh có lúc nào khả dĩ nghĩ rằng tiếng kiệt tác mà tôi dùng mạng danh hai quyền ấy lại là một phương tiện quảng cáo hèn mạt của tôi. Nếu thế thì tiếng ấy làm phật ý anh hơn là quyến rũ anh.

« Tôi rõ biết hơn ai hết những điều người ta có thể bắt bẻ tiếng ấy; và mới dễ dàng làm sao việc dùng tiếng ấy ca ngợi quyền sách hay đối với một nhà xuất bản! Thế nên, tôi xin anh đừng đếm xỉa tới tiếng ấy mà tôi muốn thâu lại, đề anh khỏi khước từ nó. Và tôi chỉ xin anh đề ý đến sự hăm mộ không dè dặt của tôi đối với quyền sách tôi hôm nay gửi tới biểu anh đây thôi.

« Và nhất là tôi thấy không thể tha thứ cho tôi được bởi đã dùng tiếng ấy trước anh,

nếu một may tự ý anh, anh cũng muốn dùng tiếng ấy đề mạng danh tác phẩm tôi vừa gửi đến.

« Ngoài ra tôi còn muốn quên ý kiến riêng của mình đề đặt tất cả sự quảng cáo lên trên những lời phê phán của các bình giả và của các bức tri thức đượ tin nhiệm... Tôi sẽ cảm ơn anh lắm nếu sau khi đọc xong quyền sách ấy, anh có nhã ý bảo cho tôi biết anh nghĩ về nó như thế nào. Đôi giọng anh gửi cho tôi về vấn đề ấy sẽ có một giá trị to tát đối với tôi, dầu rằng anh không muốn tôi đem công bố nó ra.

« Nơi đây, anh hãy tin ở những cảm tình tốt đẹp nhất của tôi ».

Ít lâu sau, khi đã tiếp được thư phúc đáp của nhà phê bình, nhà xuất bản lại gửi thêm bức thư nữa.

« Bạn thân-ái,

« Muốn thi hành việc phổ bày cuộc trưng cầu ý kiến của tôi cùng các nhà phê bình trong nước đối với quyền tiểu thuyết mới sắp phát hành trong vài ngày đây, tôi sẽ hân hạnh nếu anh có nhã ý cho tôi biết anh bằng lòng đề tôi công bố ra những lời của anh trong thư trước hay không.

« Tôi tưởng cách lập đi lập lại những lời ca ngợi đối với một quyền sách mà tôi thích ấy chắc cũng chẳng là phật lòng anh bao nhiêu. Không chừng anh còn tìm thấy trong đó một giải quyết cho vấn đề quảng cáo về văn chương đấy.

(Xem tiếp trang 21)

DIỄN-VĂN KHAI MẠC

TRONG DỊP LÀM LỄ TRUY NIỆM CỤ THỦ-KHOA NGHĨA

Bác-sĩ LÊ VĂN-NGŨN

Cụ Thủ-khoa Nghĩa là một bậc chân nho khí-tiết ở Nam-kỳ (xin coi bài của bạn Trúc-Thần nói về tiểu-sử cụ mà bản-chủ bắt đầu đăng từ kỳ báo này). Bồn-phận buộc chúng ta nay cần phải tỏ lòng ngưỡng-mộ đối với nhà danh-sĩ đó.

Gánh lấy trọng-trách làm việc tu-bổ mộ cụ, Hội Khuyến-học Cần-thơ hiện đang tiến-hành công việc. Trí-Tân chúng tôi rất tán-thành cái nghĩa-cử ấy.

Đêm 29 Mai 1943, Hội Khuyến-học Cần-thơ đã làm lễ truy-niệm cụ Thủ-khoa Nghĩa để mở cuộc lạc quyên về việc xây mộ cụ. Bác-sĩ Lê-văn-Ngũn, bạn thân của bản-chủ, lấy tư-cách là Hội-trưởng Hội ấy, có đọc một bài diễn-văn khai-mạc, nguyên-văn như dưới đây:

T. T.

Thưa quan Chánh Chủ tỉnh,

Thưa Quý Quan,

Thưa Quý Bà, Quý Ông,

Hôm nay, tôi muốn cùng quý ngài nhắc lại chuyện một người xưa, chuyện một đứa con yêu quý của Tây Đô ta, đã có danh thơm lừng lay. Điều đó cũng chẳng khó gì. Ta hãy ngược giòng thời gian, trở lại 108 năm về trước.

Năm Ất vị (1835), vào lúc tháng hai, dưới ánh sáng của vầng thái dương nóng bức, trước cửa trường thi Gia Định, muôn ngàn nam thanh nữ tú chen chúc nhau chờ lễ xướng danh. Từ khuya, họ đã đến đó. Sự ước vọng lộ trên mặt mỗi người. Trong quán trên đường, ai ai cũng bàn về sự khó khăn của cuộc thi năm ấy.

Vì năm đó, lần đầu tiên mới có lệ « Tam Trường Thi Pháp ». Cử tử vô song như với văn bát cổ về một bài truyện, một bài kinh; rồi phải qua trường thi với thi và phú: thi thì dùng luật thất ngôn, phú thì theo thể nhà Minh, nhà Thanh bên Tàu. Tới 11 giờ, đầu đề là một đạo văn sách. Lướt qua ba bậc vũ môn, kỳ phúc hạc chỉ còn một bài hạ biếu là cá dạng hóa rồng.

Đúng lễ khoa thi phải mở vào năm Ngọ, nhưng vì bấy giờ Nam Kỳ đương ở vào lúc có loạn Lê văn Khôi, vua Minh Mạng e sĩ nhơn học lập phép thì mới chưa nhuần nên triền qua năm Mùi.

Trái tim sĩ tử đương đập mạnh. Các lòng sĩ tử đương rộn rục bồn chồn.

Bỗng đâu, kiêng và trống đưa nhau đồng đặc khuê lên. Rồi giữa một bầu không khí lặng lẽ nghiêm trang trong nhà Thập Đạo một đoàn long xanh rước các quan Giám Khảo lên đàn. Lá cờ Khâm Sai

bay phấp phới bên tấm biển « Phụng Chi » dưới hai cái long vàng. Các quan vận đồ đại triều chia ngồi theo thứ tự. Mà họ chễm chệ làm sao! Các sĩ tử thấy đều sốt ruột. Tiếng chuông trống vừa dứt, một viên đội lệ, oai nghi trong bộ đồ nẹp đỏ, quay loa và xướng to lên:

Cử nhơn hạng đệ nhất danh, An-giang tỉnh, Vĩnh định huyện, Bình - thủy xã, ... BÙI HỮU NGHĨA...

Một tiếng dạ lớn nổ lên giữa đám đông. Một người chen lời trước đàn khúm núm vài chào các quan Giám Khảo đang lẫm lẫm áo lam, mũ tím, hốt gỗ, hia cao và được rước một cách long trọng vào nhà Thập Đạo. (1)

Từ đây, tên học trò vô danh Nghi Chi BÙI HỮU NGHĨA đã biến thành Thủ khoa NGHĨA đầu đầu sáu tỉnh với hai mươi chín cái xuân.

Mười năm đèn sách, một hội công danh. Ta hãy theo cụ Thủ khoa bước lên đường sĩ hoạn và ta hãy cùng cụ mà trở ngóng tài hoa. Ta sẽ thấy rằng cái liê thảo hiên ngang, cái thiên tài lỗi lạc chẳng những vẻ vang cho miền Bình thủy mà lại còn không hổ với huy hiệu « rồng vàng của xứ Đồng-Nai ».

Thủ khoa NGHĨA! Một danh sĩ đã chiếm giải khôi nguyên, làm rõ ràng cho nơi chốn nhau cất rún; một ông quan vì lánh cương trực, hết lòng bình vực dân đen mà nhiều khi phải bị giáng, bị cách, bị đi. « quân tiền hiện lực »: một chỉ sĩ ưa thanh cao, chuộng liêm khiết đã treo ấn từ quan, về nhà chỉ hai bữa rau cháo no lòng. vui cùng đạo thánh; một văn hào đã gọi hết tâm sự trong cuốn tuồng KIM THẠCH KỶ DUYÊN được người đời truyền tụng và người

Pháp đem phiên dịch ra pháp văn: một thi gia đã cung hiến cho ta những vần thơ trang nhã, những bài văn lễ hoặc ngạo ngạo hoặc đau th.rong; một nhà nho đã nêu cao tấm gương mô phạm, đã đào tạo biết bao nhân tài... Thủ khoa NGHĨA! Một danh nhân đường ấy mà sau khi nhắm mắt không có chút đất riêng để gởi nấm xương tàn, nghèo đến nỗi người mà phải cầm cố đồ đạc nặng lo việc ma chay cho tròn hiếu đạo!

Ngày xưa, miền Bình - thủy đã chứng kiến đặng buổi vang trời chiêng trống, rẩy đất long cờ do cả làng đi rước cụ Bùi hủ khoa vinh qui bái tổ. Ngày nay, miền Bình-thủy lại có nhiều người không biết tên biết tuổi, mà cũng không biết năm mộ cụ nằm ở nơi nao. Khách du quan, người hiếu cổ, một phen đề bước lối Cần-thơ, sau khi cung chiêm phần mộ cụ sao khỏi man mác ngậm ngùi và than như ông Lê Thọ Xuân trong báo Mai năm nọ: « Dưới túp chuối, bên bụi môn, một nấm mộ đất đỏ, một tấm bia đá xanh, cái nhà vĩnh viễn của cụ Thủ khoa chỉ có vậy. Nhờ tài ba đã được làm quan, lại vì cao liê bỏ quan về dạy học cụ Nghi-Chi đi ngược trên đường đời nên cụ phải sống nghèo thác lạnh ».

Chính vì thế mà với mục đích khuyến nhau trau dồi học thức, bảo nhau nghiền ngẫm văn chương, lo việc phục hưng tinh thần theo tôn chỉ của quan Thống Chế PÉTAIN, hội Khuyến Học Cần-thơ nhận làm bồn phận mình việc phải nhắc nhở, phải đền ơn những ai có công với văn học giới nước nhà như cụ Thủ khoa BÙI HỮU NGHĨA.

Muốn nhắc nhở một bậc đàn anh của chúng tôi ở Tây-Đô, ông Đỗ

văn Y, sẽ làm cho cụ Thủ khoa sống lại với chúng ta trong những phút thiêng liêng, huyền ảo.

Muốn đến ơn, hội Khuyến Học Cần-thơ đứng tổ chức một cuộc lạc quyên dâng cúng tu phần mộ của đấng văn hào hiếm có ấy.

Làm được việc này chúng tôi nhờ Quan Chánh Tham biện de Montaignut, chủ tỉnh Cần-thơ sẵn lòng cho phép mở cuộc lạc quyên và sẵn lòng tương trợ, nhờ Quan Đốc phủ Trần văn Mãng và quan Phủ Nguyễn văn Tiếp khuyến khích về mặt tinh thần, nhờ cụ Hội Đồng Liên Bang Hồ văn Trung bút tự Biếu Chánh một văn sĩ trù danh, một tiểu thuyết gia hiếm có của đất Đồng nai hết lòng ủng hộ, nhờ quan Đốc phủ Dương Thân Hỷ vui lòng cho phép vì cụ thủ khoa đang yên nghỉ trong đất ngài, nhờ các báo trong Nam ngoài Bắc hưởng ứng và tán thành. Vậy chúng tôi xin khấn thiết khêu gợi lòng tốt của quý ông, quý bà mong quý ông quý bà cử động giúp chúng tôi và vừa giúp chúng tôi ít nhiều về đường tài chánh. Sau cuộc lễ truy niệm hôm nay xin quý ông quý bà giao hay gửi món tiền quyên đến cho ông TRẦN ĐẤT NGHĨA, thủ môn của Cần-thơ Khuyến Học Hội.

Thưa Quý Quan, Thưa Quý Ngài. Hết chính chiến thì tới thái bình, bên võ công đang còn văn trị. Kể chiến sĩ xông pha tên đạn mà mở mang hay gìn giữ non sông, thì nhà cầm bút kéo sạch tơ tằm, thêu dệt muôn tằm gấm vóc. Hai hạng người đó đều đáng cho ta tôn sùng kỷ niệm. Bờn con mắt ngắm cùng đất Việt bao diên, bao miểu, bao bằng sơn bia đá đã tỏ lòng biết ơn của con cháu Lạc Hồng. Phong trào Quốc Gia phục hưng từ Chánh Quốc đưa sang lại còn cở võ nơi ta tắm dòng cao thượng. Nhận thấy như vậy, chúng tôi vui vẻ làm việc và chẳng những trân trọng cảm ơn Quan chủ tỉnh (bữa diễn thuyết ấy có quan chủ tỉnh đến chủ tọa), các quý ngài, và mấy bạn trong Nam-Kỳ văn-đoàn, trong tòa soạn Đại Việt tạp chí, Nam Kỳ tuần báo, Phong Sự và Hạnh Phúc đến đây dự lễ, chúng tôi lại còn vừng vàng trông mong và tin cậy nơi quý ngài.

Bác sĩ LÊ VĂN NGÔN

Hội trưởng Hội Khuyến-Học Cần-thơ

(1) Phòng theo lều chông và bút nghiên

Tiểu học Đông-dương (Tiếp theo trang 11)

hai lớp dự bị Pháp-văn (classes préparatoires de Français), học không mất tiền. Muốn vào năm thứ nhất phải có bằng tiểu-học cả phần Pháp-văn. Không có kỳ thi vào học, chỉ lấy đủ số chỗ ngồi thôi. Hết hai năm học chỉ có một tờ giấy chứng-nận chứ không có văn-bằng gì.

Muốn lên bậc cao-đẳng tiểu-học hay vào ban trung-học phải qua một kỳ thi. Muốn thi phải đã đủ bằng tiểu-học cả phần Pháp-văn hai năm trước nam thi, hai nam ấy dù học lớp dự-bị Pháp-van trường công trường tư hay học lầy đều được cả. Bài thi toàn Pháp-van sẽ lấy sức học chữ Pháp của người học hết 2 nam dự-bị Pháp-van trong trường công làm chuẩn đích.

Hiện nay, bậc tiểu-học của người Pháp đổi mới lại, cũng có 5 nam: một năm dự-bị hai nam sơ-đẳng và hai nam trung-đẳng. Hết 5 nam ấy thi bằng tiểu-học rồi vào ngay ban trung-học

Học-sinh an-nam, hết 5 nam, đủ bằng tiểu-học, phải đủ 2 nam luyện Pháp-van rồi mới vào ban trung-học là hợp lẽ phải lắm rồi. Bậc học này có giá-trị tương-đương với bậc học cùng tên ở Pháp; vậy học-sinh an-nam, bắt đầu học bằng tiếng bản-xứ, thời-bạn 7 năm, sẽ đuổi kịp học-sinh Pháp để theo những chương-trình học gần giống nhau và dùng chung những sách giống nhau.

Các ngài nghe tôi trình-bày những chi tiết rõ ràng như vậy hẳn đã nhận thấy điều này: chữ quốc-ngữ sẽ có một địa-vị rất quan-trọng trong nền tiểu-học đổi mới như thế. Và có như thế thì nền học phổ-thông mới thật hoàn-toàn.

Hiện nay, chính-phủ đã cho ta ba nam học bằng quốc-ngữ; nhưng

cải học-thức thâu-nhận được sau ba năm ấy thật quá sơ-sài; mà muốn học thêm chút nữa thì đã phải soay sang chữ Pháp rồi.

Ta nên nhớ rằng cái chế-độ hiện-hành là do nghị-định năm 1924 mà ra. Ngót 20 năm ấy, đã 1-tộc xứ này đã tiến-bộ được khá nhiều, về tinh-thần cũng như về vật-chất. Vậy riêng về chuyện học hành, không lẽ không tiến được tí nào chăng? Cải học thức phổ-thông mà 20 năm trước đây chính-phủ cho rằng chờ 3 nam là đủ, thì ngày nay có mở rộng thêm ra 2 nam nữa cũng không phải là quá đáng gì.

Tôi rất mong rằng đến năm 1944 này, để kỷ niệm nhị thập chu niên chế-độ 1924, chính-phủ sẽ ban-hành cho ta một nền học phổ-thông 5 năm học bằng quốc-ngữ, có thêm học Pháp-van ở 3 nam sau, và tiếp theo bằng 2 nam học toàn tiếng Pháp. NGUYỄN NIÊN

Phê bình quảng cáo

(Tiếp theo trang 19)

thịnh hành lúc này nữa là khác!

« Mong anh tin ở những tình cảm tốt đẹp nhất của tôi ».

Xem hai bức thư trên, ta thấy nhà xuất bản bao giờ cũng có đủ mảnh khốc khôn khéo để bắt bình giả làm việc quảng cáo không công cho mình

Vậy muốn tránh các nhà phê bình quảng cáo, hãy biết kể tội những tác giả, những nhà xuất bản trước đã! Vì chính họ dùng nhiều mưu chước khôn lường được để đưa các nhà phê bình đi vào con đường lầm lối, thiên thu bị nghệ thuật kết án! KIỀU-THANH-QUẾ

(1) Đoạn này trích sách *phê bình văn học*, trang 24 25.

(2) Hoa-Bài 1 « Vài cái liệt điểm của nhà văn ta », *Ti Tân* số 54, ngày 14-7-1942.

(3) Xem *conferencia* số 1, ngày 15-12-1933.

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 21

NGUYỄN HUY TƯỜNG

Ái-Thị và Ái-Nhạc ghé tởm cùng kêu lên một tiếng thét-lét :

— Trời !

Tiếng kêu ấy và hơi nặng mùi của Đặng-Lân làm cho Quỳnh-Hoa choáng tỉnh dậy. Nàng kinh hãi, cố cựa cho thoát hai cánh tay sắt, mặt thì cố quay đi để khỏi chịu những cái hôn ô-nết. Thấy sức mình yếu quá vừa ghé vừa tủi, nàng bỗng oà lên khóc và gọi :

— Phụ-vương ơi ! Phụ-vương ơi !

Đặng-Lân lại càng giữ chặt lấy Quận-chúa, nói một cách thô-bỉ :

— Ái-nương ơi ! Ái-nương hãy tỉnh để vợ chồng ta ân ái. Bấy lâu nay, tôi thầm mong trộm nhớ ái-nương, nay mới được thỏa lòng ao ước. Ái-nương không sợ, phụ-vương yêu ái-nương bao nhiêu, tôi cũng yêu ái-nương bấy nhiêu. Ái-nương nên yên tâm, ta cùng nhau ân ái.

Bị ghì chặt quá, Quận-chúa cau mặt se-se nói :

— Ông bỏ tôi ra, tôi không chịu được, chết mất !

Đặng-Lân cười ngất và nói :

— Ô hay, ái-nương lạ lùng thực. Sao lại gọi tôi là ông ? Tôi là chồng ái-nương, tôi là con rể Chúa thượng. Ái-nương phải gọi tôi là phò-mã chứ.

Quận-chúa van lơn :

— Ông bỏ tôi ra đã, bỏ tôi ra.

Ái-Thị và Ái-Nhạc trước tình-cảnh ấy, không cầm lòng được, chạy lại run run thưa :

— Phò-mã nên rời tay. Quận-chúa óc yếu, sợ không chịu nổi, thì khôn

Đặng-Lân nhìn hai đứa thị-tỳ, mỉm cười :

Đứa ở nhà chúa, thăm nào cũng cười cợt. Đám cười của ta thực nhất cử lưỡng tiện. Hai em đến đây cho vui.

Hai đứa thị-tỳ thất-kinh, đồng thanh nói :

— Sao phò-mã lại ăn nói thế ?

Quận-chúa ghé tởm vì nhời nói sống sượng của Đặng-Lân. Nàng nghĩ : Sao trời lại sinh ra được những giống vô-lại ấy ? Nàng hết sức cựa, chỉ mong thoát ra là chạy đến cửa sổ nhảy xuống dưới lầu cho rồi kiếp. Nước mắt long-lanh trên má. Đặng-Lân lấy bàn tay chùi nước mắt cho nàng. Quận-chúa ầy cái bàn tay phạm-phủ và giết người ấy ra, rồi nói một cách giận-dữ :

— Bỏ ra, bỏ ra, bỏ tôi ra ! Trời ơi là trời !

Nàng vùng vẫy, Đặng-Lân phải bỏ tay ra. Quận-chúa đứng dậy xăm xăm chạy ra cửa sổ, định lao mình xuống sân gạch dưới chân lầu. Nàng bỗng trở mắt, lùi lại, tay phải vịn vào bao-lơn, lão đảo không sao đứng vững. Ở dưới sân, một tiếng kêu vọng lên :

— Quỳnh-Hoa !

Nàng cũng kêu một tiếng vừa vui mừng vừa kinh hãi :

— Bảo-Kim !

Đặng-Lân đã lóir cửa sổ, hắn cũng trở mắt ra nhìn một cảnh-tượng lạ-lùng : Bầy anh em Bảo-Kim và Dương tuần-nghiệp bị trói giật khủy tay ra đằng sau, do bọn Hồ trọng-Vũ dẫn tới chân lầu. Thấy Đặng-Lân Hồ trọng-Vũ thưa :

— Thưa cậu, tám tên này định làm điều chi ám muội. Sáu đứa lọt vào trong phủ, hai đứa ở ngoài, lằng-vằng quanh lầu Quận-chúa. Sáu đứa ở trong, chúng con bắt được từ tang-tàng sáng ; hai đứa ở ngoài, chúng con vất vả mới đuổi kịp và vừa giải về đây, đợi cậu phát-lạc.

Lân đẩy Quận-chúa ra bên cạnh, nhỏ đầu qua cửa sổ. Hồ trọng-Vũ lại liếc :

— Thưa cậu chúng giắt cả dao. cả thừng, cả cưa, không thiếu thứ gì.

— Được lắm. Chúng bay còn nhớ những đứa này không ?

— Thưa cậu nhớ, đây là những đứa dám chống cự lại cậu đêm hội Long-trì.

— Phải rồi, thằng Bảo Kim là đầu sỏ. Ta chưa kịp hỏi tội chúng, chúng lại đến đây chịu tội. Hãy đánh cho chúng một trận bõ lẽ kéo căng dãi. Chúng cả gan thực, nhơ-sĩ chi mà lại làm nghề đào tường khoét vách. Bảo-Kim mày đến đây làm gì ?

— Tao đến để giết mày, giết một đứa đại dâm đại ác.

— Còn những tên kia ?

— Chúng tao đến để giết mày, trừ hại cho nhân dân.

— Chúng bay giỏi ! Chúng bay muốn chết thì được chết. Khi xưa ta đánh chết người không, có tội, huống chi ngày nay. Giết hết lũ hủ nho cho sạch mắt. Chúng bay đã không muốn cung xưng, thì tao cho xưng một thề... Đem chày sắt ra nện vỡ đầu gối chúng nó cho tao !

Quận-chúa vẫn đứng sau Đặng-Lân, nhìn ra, hai hàng lệ rùng rùng. Cốt cách thanh kỳ của Bảo Kim và các bạn chàng tương phản một cách rõ rệt với dáng dấp thô-bạo của thầy trò Đặng-Lân. Đỗ-tuấn-Giao còn tươi cười nói chuyện với các bạn, ung dung rõ ra người đại trượng-phu : uy-vũ bất năng khuất. Nàng lấy làm phiền rằng những trang phong lưu mặc-khách kia chỉ vì nàng mà mang lụy. Nàng ghé sơ cho đời họ, và đột nhiên lòng yêu Bảo Kim mà bấy lâu nàng vẫn cô nện nay bỗng dậy lên, bội phần mãnh liệt...

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY TƯỜNG

PHỒ-THÔNG CHUYÊN-SAN

Kể từ 1^{er} Juillet, Phồ-Thông Bán-Nguyệt-San ra thêm một loại mới, mỗi tháng một Chuyên San văn học, sử học, hay triết học. Mục đích là gây dựng một kho tài liệu thiết yếu cho tủ sách người học thức.

Chương-trình biên-tập

Những chuyên-san phồ-thông văn-học

Dem những văn nghiệp cũ ra chú giải, phiên dịch, phê bình biên tập tiểu truyện của tác giả, nếu có thể lại soạn cả niên phồ của tác giả. Ngoài những văn nghiệp của nước nhà, lại mở rộng đến cả văn nghiệp Tàu nữa. Những văn nghiệp của ta như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Trạng Trình, Lê Quý Đôn, Cbiêu Hồ, Lý Phức, Đoàn Thị Điểm, Thanh quan v. v. và ở Tàu như : Tào Thực, Đào Tiềm, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hàn Xương Lê, Tô Đông Pha, Lương Khải Siêu, Hồ Thích v. v.

Nghiên cứu khảo luận về các vấn đề văn học, phê bình những sách đáng chú ý của người đương thời.

Những chuyên-san phồ-thông sử-học

Dịch những bộ sử của ta cùng những sách phụ thuộc vào sử. Đại khái như : Đại Việt sử ký, Việt sử cương mục, Lịch triều hiến chương, Lê triều dã sử, Lê quý kỷ sử, Cổ Lê tiết nghĩa lục, Đại Nam liệt truyện, Hoàng Lê ngọc Phồ, Trình gia thế phồ, Gia định thông chí, Thoái thực kỷ văn, Bắc hạnh lược ký, Phủ biên lục, Kiến văn tiểu học vân vân...

Viết những lịch-sử ký sự, danh-nhân truyện-ký, hoặc soạn những tập sử từng triều-đại một — Cũng có thể đăng những thiên du ký, trong đó kể việc qua thăm các danh thắng cổ tích cổ giúp ích cho sử học.

Những chuyên-san phồ-thông triết-học

Nghiên cứu, giới thiệu, phê bình, các ngành triết học cả đông và tây, khảo cứu về nguồn gốc và lịch sử của các tôn giáo trong thế giới.

Chương trình biên tập, trên đây sẽ có thể thay đổi thêm bớt cho tới khi hoàn toàn. Chúng tôi rất mong các bậc trí thức cao minh trong nước chỉ giáo cho.

Chương trình làm việc dự định là như thế, nhưng phạm vi nguyệt san của chúng tôi có hạn, mà tài lực của chúng tôi cũng có hạn, cho nên mỗi tháng chúng tôi chỉ có thể đem hiến bạn đọc yêu quý một tập chuyên-san mà thôi.

Số trang không nhất định mà giá bán cũng không nhất định.

Các ngài có thể tin cậy ở sự cố gắng của chúng tôi, về phương diện biên tập, ấn loát, cũng như về việc định giá, chúng tôi chỉ ước ao làm vừa lòng các Ngài về giá-trị chuyên-san cũng như về giá bán phải chăng vậy.

P. T. B. N. S.

Xin chú ý — P. T. B. N. S lớp cũ (liều thuyết) vẫn ra, nhưng mỗi tháng chỉ in một tập, đẹp hơn trước, tiểu thuyết chọn lọc rất kỹ, toàn là những tác phẩm hay, có giá trị chắc chắn. Những chuyên san dự ước xuất bản trong 1943

Juillet : **LỤC VĂN TIÊN DẪN GIẢI**

của Đinh Xuân-Hội (200 trang 1\$50)

Août : **TRẦN THỦ ĐỘ**

Danh nhân truyện ký của Trúc-Khê (0\$80)

Sept. : **TRƯƠNG VINH KÝ**

Khảo cứu của Lê-Thanh (0\$80)

Oct. : **KHÔNG GIÀO LÂY GÌ LÀM CỐT TỬ ?** Khảo cứu của Mai Đăng-Đệ

Nov. : **QUỐC SỬ DIỄN CA DẪN GIẢI**

của Nguyễn Đỗ-Mục

Déc. : **BA LOẠI VĂN**

Biên khảo của Vũ Ngọc-Phan

Sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes**ĐÃ XUẤT BẢN****Thơ Ngụ ngôn La Fontaine***Bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả Pháp văn đối chiếu.**150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH Bìa 3 màu, khổ 17×23.**Bản thường 1 \$ 00 — Bản giấy Đại La 5 \$ 00***KIM-VĂN-KIỀU, tome I***Bản dịch và chủ thích của ông Nguyễn-văn-Vĩnh 350 trang khổ 17×23**Bản thường 2 \$ 00 — Bản giấy Vergé bouffant 7 \$ 00***Lược-khảo Việt-ngữ***của ông Lê-văn-Nữu**Ngót 100 trang khổ 12×17**Bản thường 0 \$ 50 — Bản giấy gió 4 \$ 00*

—*—

ĐÃ XUẤT BẢN**LE PAYSAN TONKINOIS***à travers le parler populaire**Bản Pháp văn của ông PHẠM-QUỲNH 100 trang, cả tranh ảnh của MẠNH QUỲNH Bìa 2 màu, khổ 17×23**Bản thường 0 \$ 80 — Bản giấy Đại la 5 \$ 00***Tổng phát-hành Mai-Linh***21 Rue des Pipes — Hanoi***MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỖN****MỘT DANH-TỪ,****MỘT THÀNH-NGŨ,****MỘT MÔN HỌC THUẬT****Các bạn cần phải đọc tập tài liệu****BÁCH HỮU****ĐẠI-TỪ-ĐIỂN****của Quốc-Học Thư-Xã****Đón coi : tập SỬ HỌC****của cụ Lại Bộ PHẠM QUỲNH****Đã có bán****ỐC KHOA HỌC****CUỐN ĐẦU TRONG BỘ****SỨC KHỎE TINH THẦN***của P. N. KHUÊ***Giá 2 \$ 20**

Bằng một lối văn dễ dàng, sáng sủa, tác giả bộ « Sức khỏe mới » dẫn các bạn đi tìm óc khoa học tức là một lối nhận xét, một lối nghĩ, một lối xử trí thích hợp nhất với đời sống hiện-tại ngày nay.

Mua 1 cuốn xin gửi tiền trước, kèm 0 \$ 40 đảm bảo về ông giám đốc.

HÀN THUYỀN XUẤT BẢN CỤC**71 Tiên Tsin — Hanoi****VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN**

Những thành-ngữ và từ ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt lại thành một pho từ điển, rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc sách và nhất là cho các học-sinh học khoa quốc-văn trong các trường.

*của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH**Tựa của Cụ Đốc Ông-Như NGUYỄN VĂN NGỌC**Sách khổ rộng 16 × 25 ngót 400 trang**Giá bán lẻ 5 \$ 00*

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 1er Mai 1943, xin biểu 10 % cước phi không phải chịu.

Những giáo-sư các trường công tư, đặt tiền mua trước từ 10 ngàn trở lên xin biểu 20 % cước phi không phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ :

Ô. Quảng-vạn-Thành**16, Phố Lê Lợi — HANOI****51, Doumer — HAIPHONG**